



**BỘ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN**

THÔNG TIN

**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỶ

24

Tháng 12 - 2010

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỶ NIỆM 50 NĂM NGÀY TRUYỀN THỐNG VÀ ĐÓN NHẬN HUÂN CHƯƠNG ĐỘC LẬP HẠNG NHẤT

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2010



Thay mặt lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Phó Thủ tướng Chính phủ Hoàng Trung Hải trao tặng Huân chương Độc lập hạng Nhất cho Tổng Công ty Licogi



Bộ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Hồng Quân trao Huân chương Lao động hạng Ba cho ông Vũ Tiến Giao - Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc TCty Licogi

**THÔNG TIN
XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG
MỖI THÁNG 2 KỶ

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT HÀNH
NĂM THỨ MƯỜI MỘT

24

SỐ 24 - 12/2010

MỤC LỤC

Văn bản quản lý

Văn bản các cơ quan TW

- Nghị quyết số 55/NQ-CP của Chính phủ về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng. 5
- Quyết định số 2281/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình Quốc gia về an toàn lao động, vệ sinh lao động giai đoạn 2011 – 2015. 6
- Chỉ thị số 2178/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác quy hoạch. 8
- Thông tư số 201/2010/TT-BTC của Bộ Tài chính Quy định mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với vật tư, thiết bị nhập khẩu để phục vụ dự án chế tạo thiết bị sản xuất vật liệu xây dựng không nung nhẹ và sản xuất gạch xi măng – cốt liệu công suất từ 7 triệu viên quy tiêu chuẩn/năm trở lên. 9
- Thông tư số 23/2010/TT-BKH của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định điều kiện năng lực của tổ chức và cá nhân thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư. 10

Văn bản của địa phương

- Quyết định số 16/2010/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn về việc ban hành Quy chế phối hợp quản lý giữa Ban Quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng – Lạng Sơn với các Sở, Ban, Ngành, UBND các huyện và thành phố Lạng Sơn. 11
- Chỉ thị số 24/CT-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về công tác tăng cường đảm bảo trật tự xây dựng, trật tự đô thị và an toàn giao thông trên địa bàn Thành phố Hà Nội. 13



TRUNG TÂM THÔNG TIN

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : 8.215.137 - 8.215.138

FAX : (04)9.741.709

Email: citc_bxd@hn.vnn.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH

TS. ĐẶNG KIM GIAO

Ban biên tập:

THS.KTS.NGUYỄN HÙNG OANH

(**Trưởng ban**)

CN.BẠCH MINH TUẤN (**Phó ban**)

KS.HUYỀN PHƯỚC

CN.ĐÀO THỊ MINH TÂM

CN.BÙI THỊ QUỲNH ANH

CN.HOÀNG ĐẠI HẢI

CN.NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC

- Quyết định số 30/2010/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành Quy định về chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án thủy lợi, thủy điện trên địa bàn tỉnh Yên Bái. 14

Khoa học công nghệ xây dựng

- Nghiệm thu đề tài:

+ Nghiên cứu hiệu quả áp dụng và hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn dùng xi măng làm đường bê tông 17

+ Nghiên cứu chế tạo sơn vô cơ chống ăn mòn cho kết cấu thép và kim loại (Mã số: RD 38-09) 18

- Hội thảo tập huấn “Sản xuất sạch hơn và quản lý môi trường trong các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng” 20

- Hội thảo: “Vách nhôm kính thế hệ mới – Giải pháp tiết kiệm năng lượng và thân thiện với môi trường cho các công trình cao tầng tại Việt Nam” 22

- Hội thảo “Quản lý thoát nước - Kinh nghiệm của Nhật Bản” 24

- Hội nghị thẩm định Đề án đề nghị nâng cấp thị xã Phú Thọ lên đô thị loại III 26

- Thảo luận về hệ thống quy hoạch không gian Quốc gia 27

- Những vấn đề về đối phó ngập úng trong các thành phố và thị trấn của Trung Quốc 31

Thông tin

- Thứ trưởng Bộ Xây dựng Trình Đình Dũng tiếp đoàn Nghị sỹ Quốc hội Hàn Quốc. 35

- Hội nghị tổng kết 10 năm thực hiện công tác giáo dục quốc phòng - an ninh của Bộ Xây dựng. 36

- Lễ ký Biên bản Ghi nhớ về Đánh giá tiến độ Chương trình Quản lý nước thải và chất thải rắn giữa Tổ chức Hợp tác kỹ thuật Đức và Bộ Xây dựng Việt Nam. 38

- Tổng Công ty Lilama lắp đặt thành công bao hơi lò hơi số 1 tại nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1. 39

- Lễ trao giải cuộc thi "Tìm hiểu kiến trúc cổ truyền Việt Nam". 40

- Lễ khánh thành nhà máy bê tông khí chưng áp Viglacera. 41

- Tổng Công ty xây dựng và phát triển hạ tầng kỷ niệm 50 năm ngày truyền thống và đón nhận Huân chương Độc lập hạng Nhất. 43

- Kiến trúc và sự đổi mới. 45



VĂN BẢN CỦA CÁC CƠ QUAN TW

Nghị quyết số 55/NQ-CP của Chính phủ về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng

Ngày 14/12/2010 Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 55/NQ-CP về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng. Chính phủ giao Bộ Xây dựng và các bộ, ngành liên quan trong phạm vi thẩm quyền có trách nhiệm triển khai thực hiện theo đúng nội dung và thời gian quy định tại Phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính đã được Chính phủ thông qua tại Nghị quyết này. UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, căn cứ nội dung văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan trung ương ban hành để thực thi phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại Nghị quyết này, thực hiện ngay việc sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan tại các văn bản thuộc thẩm quyền, ban hành để bảo đảm thi hành khi các văn bản của trung ương nói trên có hiệu lực.

Phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng về đơn giản hóa nội dung đi vào các nhóm thủ tục Thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình; nhóm thủ tục Điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình; nhóm thủ tục Thẩm định báo cáo kinh tế - kỹ thuật sử dụng vốn ngân sách nhà nước; các thủ tục Công nhận phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng – B-BXD-040055-TT; các thủ tục Công nhận bổ sung phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng – B-BXD-119758-TT; các thủ tục Công nhận cơ sở có đủ điều kiện đào tạo kỹ sư định giá xây dựng – B-BXD-001774-TT; các thủ tục Công nhận cơ sở bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý

dự án đầu tư xây dựng công trình và bồi dưỡng nghiệp vụ giám sát thi công xây dựng công trình – B-BXD-121491-TT; nhóm thủ tục Cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng; các thủ tục Cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư, kỹ sư, giám sát thi công xây dựng – B-BXD-111566-TT; các thủ tục Cấp bổ sung chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư, kỹ sư, giám sát thi công xây dựng – B-BXD-112126-TT; nhóm thủ tục Cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng; nhóm thủ tục Cấp giấy phép thầu cho nhà thầu nước ngoài; các thủ tục Đăng ký văn phòng điều hành cho nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam – B-BXD-072409-TT; các thủ tục Phê duyệt các phương án phá dỡ các công trình xây dựng – B-BXD-038575-TT; các thủ tục Cấp phép di dời công trình – B-BXD-038594-TT; các thủ tục Tiếp nhận báo cáo của chủ đầu tư về chất lượng công trình – B-BXD-038551-TT; các thủ tục Tiếp nhận và quản lý Giấy chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng – B-BXD-038499-TT; các thủ tục Tiếp nhận báo cáo nhanh sự cố công trình xây dựng – B-BXD-037544-TT; bãi bỏ thủ tục Công nhận lại phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng – B-BXD-040092-TT.

Đối với các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quy hoạch xây dựng, nội dung đơn giản hóa các thủ tục hành chính gồm các nhóm thủ tục Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng; thủ tục Cấp chứng chỉ quy hoạch xây dựng; thủ tục Thỏa thuận kiến trúc quy hoạch; thủ tục Thẩm định đồ án quy hoạch xây

dụng chi tiết 1/500 thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình; thủ tục Công nhận khu đô thị mới kiểu mẫu.

Đối với các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực kinh doanh bất động sản, nội dung đơn giản hóa các thủ tục hành chính gồm các nhóm thủ tục Công nhận cơ sở có đủ điều kiện đào tạo môi giới, định giá bất động sản; nhóm thủ tục Cấp chứng chỉ định giá, môi giới bất động sản; các thủ tục Chuyển nhượng toàn bộ dự án khu đô thị mới, dự án khu nhà ở, dự án hạ tầng khu công nghiệp.

Đối với các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực phát triển đô thị, nội dung đơn giản hóa các thủ tục hành chính gồm các nhóm thủ tục Thẩm định dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới thuộc mọi nguồn vốn có quy mô sử dụng đất từ 200ha trở lên và dưới 200 ha. Về lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật đô thị, phương án đơn giản hóa áp dụng đối với thủ tục Cấp giấy phép

đào đường đô thị; thủ tục Cấp giấy phép sử dụng tạm thời đường đô thị ngoài mục đích giao thông; thủ tục Cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh.

Trong quá trình triển khai thực hiện, Bộ Xây dựng chủ động phát hiện và kịp thời sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan thuộc thẩm quyền hoặc đề nghị bằng văn bản gửi Bộ Tư pháp và Văn phòng Chính phủ về các luật, pháp lệnh, nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ có quy định về thủ tục hành chính cần sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ để thực hiện Phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính được Chính phủ thông qua tại Nghị quyết này.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại: www.chinhphu.vn)

Quyết định số 2281/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình Quốc gia về an toàn lao động, vệ sinh lao động giai đoạn 2011 - 2015

Ngày 10/12/2010 Thủ tướng Chính phủ đã đưa ra Quyết định số 2281/QĐ-TTg về việc Phê duyệt Chương trình Quốc gia về an toàn lao động, vệ sinh lao động giai đoạn 2011 – 2015. Chương trình được thực hiện với mục tiêu cải thiện điều kiện làm việc, giảm ô nhiễm môi trường lao động, ngăn ngừa tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp, chăm sóc sức khỏe người lao động, nâng cao nhận thức, đảm bảo sự tuân thủ pháp luật về an toàn – vệ sinh lao động, bảo đảm an toàn thân thể và tính mạng cho người lao động, tài sản của Nhà nước, tài sản của doanh nghiệp của tổ chức, góp phần vào sự phát triển bền vững của quốc gia.

Chương trình được thực hiện trong giai đoạn từ 2011 – 2015 phải đạt được kết quả: Trung

bình hằng năm giảm 5% tần suất tai nạn lao động chết người trong các ngành, lĩnh vực khai khoáng, xây dựng, sử dụng điện, sản xuất kim loại và sản xuất hóa chất; Trung bình hằng năm tăng 5% số cơ sở tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, tăng 5% số người lao động được khám phát hiện bệnh nghề nghiệp, tăng 3% số cơ sở được giám sát môi trường lao động; Trung bình hằng năm tăng thêm 2000 doanh nghiệp vừa và nhỏ áp dụng hiệu quả hệ thống quản lý công tác an toàn – vệ sinh lao động; Hằng năm trên 40.000 người làm các nghề, công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn – vệ sinh lao động, 10.000 người làm các nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm, 40.000 cán bộ làm công tác an toàn – vệ

sinh lao động tại doanh nghiệp được hỗ trợ huấn luyện về an toàn – vệ sinh lao động; Đến năm 2015 có trên 1000 làng nghề, 5000 hợp tác xã, 30.000 doanh nghiệp vừa và nhỏ được phổ biến thông tin phù hợp về an toàn – vệ sinh lao động; 100% người lao động đã xác nhận bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp được chăm sóc sức khỏe và phục hồi chức năng lao động; 100% số vụ tai nạn lao động chết người được điều tra, xử lý.

Nội dung hoạt động chính của Chương trình bao gồm: Các hoạt động nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý nhà nước về an toàn – vệ sinh lao động như: bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật về an toàn – vệ sinh lao động, xây dựng cơ chế và chính sách đẩy mạnh xã hội hóa công tác an toàn – vệ sinh lao động,...; Các hoạt động tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật, đầu tư phòng ngừa tai nạn lao động trong các doanh nghiệp có nguy cơ cao về tai nạn lao động trong lĩnh vực khai thác khoáng sản, chế biến khoáng sản, sản xuất kim loại, sản xuất hóa chất, xây dựng. Cải thiện điều kiện lao động trong khu vực doanh nghiệp vừa và nhỏ, khu vực sản xuất nông nghiệp, ngành nghề nông thôn; Các hoạt động phòng, chống bệnh nghề nghiệp, chăm sóc sức khỏe người lao động tại nơi làm việc; Các hoạt động nâng cao nhận thức, trách nhiệm của người sử dụng lao động, người lao động và cộng đồng; Nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ về bảo hộ lao động, an toàn – vệ sinh lao động trong các ngành, nghề có nguy cơ cao về tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp như: khai thác và chế biến than, đá, luyện kim, phân bón, hóa chất, xây dựng và một số ngành nghề khác; Hoạt động kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết và báo cáo về các hoạt động của Dự án, Chương trình.

Chương trình thực hiện sẽ nhận được sự hỗ trợ về cơ chế chính sách gồm: Khuyến khích các doanh nghiệp đóng góp nguồn lực và triển khai các hoạt động cải thiện điều kiện lao động, chăm sóc sức khỏe người lao động; Hỗ trợ các

doanh nghiệp, các cơ sở tham gia thí điểm và áp dụng hệ thống quản lý về công tác an toàn – vệ sinh lao động tiên tiến, xây dựng văn hóa an toàn lao động; Khuyến khích phát triển và xã hội hóa các dịch vụ tư vấn, kiểm định, đào tạo, huấn luyện về an toàn – vệ sinh lao động; Tăng cường phối hợp giữa các cơ quan nhà nước được giao nhiệm vụ và các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện Chương trình; Đẩy mạnh lồng ghép các hoạt động của Chương trình Quốc gia về an toàn lao động, vệ sinh lao động với Chương trình việc làm, xóa đói, giảm nghèo, phòng chống HIV – AIDS tại nơi làm việc, chống biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường và các chương trình có liên quan khác; Phát huy đồng bộ các hệ thống giám sát, đánh giá việc thực hiện Chương trình; Khuyến khích người dân và các tổ chức, đoàn thể tham gia các hoạt động của Chương trình.

Chương trình lấy nguồn vốn từ ngân sách nhà nước dự kiến là 730 tỷ đồng, trong đó ngân sách trung ương là 680 tỷ đồng, ngân sách địa phương là 50 tỷ đồng. Ngân sách trung ương bảo đảm kinh phí thực hiện Chương trình thuộc nhiệm vụ của các Bộ, cơ quan trung ương trong dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền giao hằng năm và hỗ trợ có mục tiêu cho các địa phương. Ngân sách địa phương bảo đảm kinh phí thực hiện các hoạt động của Chương trình thuộc nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị ở địa phương theo phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước. Hằng năm trên cơ sở mục tiêu, nhiệm vụ, các Bộ, cơ quan trung ương và các địa phương thực hiện Chương trình xây dựng dự toán kinh phí gửi Bộ Tài chính để xem xét, tổng hợp vào dự toán ngân sách, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Ngoài ra Chương trình còn huy động nguồn vốn từ kinh phí đóng góp của các doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân tham gia Chương trình, tài trợ của các tổ chức trong và ngoài nước và từ các nguồn hợp pháp khác.

Chương trình cần phải mở rộng các hoạt

động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực đào tạo, tập huấn, trao đổi chuyên gia về an toàn – vệ sinh lao động, hỗ trợ đầu tư trang thiết bị chăm sóc sức khỏe, phục hồi chức năng lao động, khám và điều trị bệnh nghề nghiệp.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại: www.chinhphu.vn)

Chỉ thị số 2178/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác quy hoạch

Ngày 2/12/2010 Thủ tướng Chính phủ đã ra Chỉ thị số 2178/CT-TTg về việc Tăng cường công tác quy hoạch. Chỉ thị nêu rõ trong thời gian qua, công tác quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội đã từng bước đi vào nề nếp và đạt được những kết quả quan trọng, góp phần không nhỏ và việc định hướng phát triển tổng thể và dài hạn của các cấp, các ngành và các địa phương, làm căn cứ cho việc xây dựng các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và cung cấp thông tin cần thiết để xây dựng các chương trình phát triển, các dự án thu hút đầu tư.

Tuy nhiên, công tác quy hoạch cũng còn bộc lộ những hạn chế, yếu kém đó là công tác quy hoạch chưa được coi trọng đúng mức dẫn đến tình trạng quy hoạch thiếu tập trung, dàn trải, chưa thống nhất giữa quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch xây dựng và quy hoạch sử dụng đất, chưa có sự liên kết giữa quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội vùng, quy hoạch phát triển ngành và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương. Chất lượng quy hoạch còn thấp, thiếu đồng bộ, tính dự báo chưa cao nên một số quy hoạch bị phá vỡ, nhiều quy hoạch phải điều chỉnh sau một thời gian ngắn được phê duyệt, công tác quản lý nhà nước về quy hoạch còn nhiều bất cập.

Nguyên nhân chủ yếu của những hạn chế, yếu kém nêu trên là do các cấp, các ngành, các địa phương chưa nhận thức đầy đủ về vị trí, vai trò của công tác quy hoạch, việc triển khai xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch chưa triệt để, công tác phối hợp giữa các ngành, các cấp, các địa phương trong việc xây dựng và quản lý

quy hoạch còn hạn chế, công tác kiểm tra giám sát việc thực hiện quy hoạch của các cơ quan chức năng chưa thực sự phát huy được hiệu quả.

Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các Bộ, ngành, địa phương tập trung thực hiện các nhiệm vụ: Khẩn trương xây dựng, rà soát, điều chỉnh các quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực đến năm 2020 thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong năm 2011; Phê duyệt các quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu thuộc thẩm quyền quy định tại Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 7/9/2006 và Nghị định số 04/2008/ NĐ-CP ngày 4/1/2008 của Chính phủ; Xây dựng kế hoạch lập quy hoạch thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ quyết định. Chu trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành kế hoạch lập quy hoạch đối với các quy hoạch thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ, ngành mình; Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư xác định danh mục các quy hoạch ngành, sản phẩm chủ yếu cần lập cho ngành mình; Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính rà soát, sửa đổi các quy định về trình tự lập quy hoạch, thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, các định mức, đơn giá lập quy hoạch, đảm bảo đồng bộ, thống nhất và phù hợp với thực tế; Tăng cường năng lực của các tổ chức liên quan đến lập, thẩm định, công bố và tổ chức thực hiện quy hoạch; bố trí cán bộ có năng lực và trình độ để thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý nhà nước về quy hoạch; Thực hiện nghiêm túc chế

độ báo cáo định kỳ tình hình thực hiện quy hoạch gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp trình Chính phủ.

Thủ tướng Chính phủ cũng yêu cầu UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ động phối hợp với Bộ, ngành liên quan trong việc triển khai lập, thẩm định quy hoạch của địa phương mình, đảm bảo sự phù hợp và tính liên kết với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội vùng, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực. Đồng thời phải củng cố và tăng cường năng lực quản lý nhà nước về quy hoạch của các cơ

quan có liên quan đến thẩm định và tổ chức thực hiện quy hoạch, bố trí hợp lý và đẩy mạnh công tác đào tạo cán bộ chuyên môn về quản lý quy hoạch. Thực hiện nghiêm túc việc công bố công khai những quy hoạch đã được phê duyệt theo thẩm quyền. Định kỳ hàng năm gửi báo cáo về tình hình thực hiện lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện quy hoạch về Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

(Xem toàn văn tại: www.chinhphu.vn)

**Thông tư số 201/2010/TT-BTC của Bộ Tài chính
Quy định mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi
đối với vật tư, thiết bị nhập khẩu để phục vụ dự án
chế tạo thiết bị sản xuất vật liệu xây dựng không
nung nhẹ và sản xuất gạch xi măng - cốt liệu công
suất từ 7 triệu viên quy tiêu chuẩn/năm trở lên**

Ngày 13/12/2010 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 201/2010/TT-BTC Quy định mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với vật tư, thiết bị nhập khẩu để phục vụ dự án chế tạo thiết bị sản xuất vật liệu xây dựng không nung nhẹ và sản xuất gạch xi măng – cốt liệu công suất từ 7 triệu viên quy tiêu chuẩn/năm trở lên. Thông tư này áp dụng đối với các dự án chế tạo thiết bị sản xuất vật liệu xây không nung bao gồm: gạch bê tông khí chưng áp, gạch bê tông bọt và sản xuất gạch xi măng – cốt liệu công suất từ 7 triệu viên quy tiêu chuẩn/năm trở lên theo quy định tại Quyết định số 567/QĐ-TTg ngày 28/4/2010 của Thủ tướng Chính phủ.

Thông tư này quy định mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi 0% đối với các vật tư thiết bị trong nước chưa sản xuất được để phục vụ dự án chế tạo thiết bị sản xuất vật liệu xây không nung bao gồm: gạch bê tông khí chưng áp, gạch bê tông bọt sản xuất gạch xi măng cốt liệu công suất từ 7 triệu viên quy tiêu chuẩn/năm trở lên.

Doanh nghiệp nhập khẩu hoặc uỷ thác nhập khẩu cam kết sử dụng đúng mục đích vật tư, thiết bị phục vụ dự án chế tạo thiết bị sản xuất vật liệu xây không nung nhẹ và sản xuất gạch xi măng - cốt liệu công suất từ 7 triệu viên quy tiêu chuẩn/năm trở lên. Các trường hợp sử dụng không đúng mục đích thì các vật tư, thiết bị nhập khẩu này áp dụng theo mức thuế nhập khẩu ưu đãi quy định tại thời điểm đăng ký Tờ khai hải quan hàng nhập khẩu với cơ quan Hải quan và bị truy thu thuế theo quy định hiện hành.

Doanh nghiệp nhập khẩu hoặc uỷ thác nhập khẩu phải có Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý chuyên ngành về lô hàng vật tư, thiết bị nhập khẩu phục vụ dự án chế tạo thiết bị sản xuất vật liệu xây không nung. Giấy xác nhận được lập thành 02 bản, 01 bản để doanh nghiệp nhập khẩu nộp cho cơ quan hải quan khi làm thủ tục nhập khẩu, 01 bản để doanh nghiệp nhập khẩu lưu. Cơ quan quản lý chuyên ngành là Bộ Xây dựng, hoặc Sở Xây dựng chịu

trách nhiệm trước pháp luật về việc xác nhận của mình.

Hồ sơ, thủ tục nhập khẩu hoặc uỷ thác nhập khẩu, báo cáo, quyết toán vật tư, thiết bị nhập khẩu để phục vụ dự án chế tạo thiết bị sản xuất vật liệu xây không nung thực hiện theo quy định tại Thông tư của Bộ Tài chính hướng dẫn về thủ

tục, kiểm tra giám sát hải quan, thuế xuất nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hoá xuất nhập khẩu.

Thông tư này có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại: www.mof.gov.vn)

Thông tư số 23/2010/TT-BKH của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định điều kiện năng lực của tổ chức và cá nhân thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư

Ngày 13/12/2010 Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành Thông tư số 23/2010/TT-BKH quy định chi tiết về điều kiện năng lực của tổ chức và cá nhân thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư tại Khoản 4 và Khoản 5, Điều 7, Nghị định số 113/2009/NĐ-CP ngày 15/12/2009 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư. Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư tại Việt Nam.

Thông tư quy định các cá nhân khi thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư phải có đủ điều kiện năng lực theo quy định và phù hợp với tính chất công việc của từng dự án đầu tư. Cá nhân thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư phải có văn bằng, chứng chỉ đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ đánh giá dự án đầu tư do các cơ sở đào tạo hợp pháp của Việt Nam hoặc nước ngoài cấp. Đối với các tổ chức khi thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư thì phải có đủ điều kiện năng lực phù hợp với các quy định tại Thông tư này. Năng lực của tổ chức hay cá nhân thực hiện việc tư vấn đánh giá dự án đầu tư được phân hạng dựa trên cơ sở tiêu chí về năng lực của các cá nhân trong tổ chức và khả năng tài chính, số lượng lao động, thiết bị máy móc (kể cả các phần mềm hỗ trợ) thực có của tổ chức hoặc do tổ chức thuê để thực hiện theo yêu cầu của công việc.

Năng lực của cá nhân thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư hạng 1 gồm: Có bằng tốt

ng nghiệp đại học trở lên; Đã đạt tiêu chuẩn tư vấn đánh giá dự án đầu tư hạng 2 tối thiểu 3 năm hoặc có thời gian tham gia các công việc liên quan đến quản lý đầu tư tối thiểu là 8 năm; Đã tham gia thực hiện đánh giá dự án đầu tư tối thiểu 01 dự án quan trọng quốc gia; hoặc đã tham gia thực hiện đánh giá dự án đầu tư tối thiểu 02 dự án nhóm A; hoặc đã tham gia thực hiện đánh giá dự án đầu tư tối thiểu 05 dự án nhóm B; hoặc đã tham gia lập dự án đầu tư (Báo cáo nghiên cứu khả thi) tối thiểu 01 dự án quan trọng quốc gia; hoặc đã tham gia thẩm tra, thẩm định tối thiểu 01 dự án quan trọng quốc gia; hoặc đã tham gia thẩm tra, thẩm định tối thiểu 02 dự án nhóm A; hoặc đã tham gia quản lý đầu tư tối thiểu 01 dự án quan trọng quốc gia; hoặc đã tham gia quản lý đầu tư tối thiểu 02 dự án nhóm A; Đã được học qua lớp đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ đánh giá dự án đầu tư và được cấp chứng chỉ đào tạo do các Cơ sở đào tạo đánh giá dự án đầu tư hợp pháp của Việt Nam hoặc nước ngoài cấp.

Năng lực chủ trì thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư hạng 1 phải đáp ứng một trong những điều kiện sau: Đã tham gia thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư tối thiểu 02 dự án quan trọng quốc gia; Đã tham gia thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư tối thiểu 03 dự án nhóm A; Đã chủ trì lập dự án đầu tư (Báo cáo nghiên cứu khả thi) tối thiểu 01 dự án quan trọng quốc gia; Đã chủ trì lập dự án đầu tư (Báo cáo nghiên

cứu khả thi) tối thiểu 01 dự án nhóm A; Đã chủ trì thẩm tra, thẩm định tối thiểu 01 dự án quan trọng quốc gia; Đã chủ trì thẩm tra, thẩm định tối thiểu 02 dự án nhóm A; Có thời gian làm Giám đốc Ban quản lý dự án nhóm B trở lên tối thiểu 10 năm.

Năng lực của tổ chức khi thực hiện hoạt động tư vấn đánh giá dự án đầu tư yêu cầu đối với dự án thuộc Hạng 2 là có ít nhất 5 người có đủ điều kiện năng lực thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư, trong đó có người đã từng làm chủ trì thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư 1 dự án nhóm B hoặc 2 dự án nhóm C; Đối với dự án thuộc Hạng 1 yêu cầu là tổ chức có ít nhất 5 người có đủ điều kiện năng lực của cá nhân thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư hạng 1, trong đó có người đã từng làm chủ trì thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư 1 dự án nhóm A trở lên.

Thông tư này cũng quy định điều kiện của Cơ sở đào tạo đánh giá dự án đầu tư gồm: Có tư cách pháp nhân và chức năng hoạt động phù hợp theo quy định của pháp luật; Có ít nhất 5 giảng viên đánh giá dự án đầu tư đáp ứng quy định tại Thông tư này; Có tài liệu giảng dạy đáp ứng quy định tại Thông tư này. Học viên được cấp chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ đánh giá dự

án đầu tư khi đáp ứng đủ điều kiện: Tham dự ít nhất 90% thời lượng của khóa học. Trường hợp học viên không đảm bảo thời lượng tham dự khóa học nhưng có lý do chính đáng, cơ sở đào tạo cho phép học viên bảo lưu thời lượng đã học và học tiếp tại khóa học khác của cùng một cơ sở đào tạo trong thời gian bảo lưu tối đa 03 tháng kể từ ngày đầu tiên của khóa học tham gia trước đó; Học viên làm bài kiểm tra và có kết quả kiểm tra cuối khóa được đánh giá từ đạt yêu cầu trở lên.

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, địa phương, UBND các cấp chỉ đạo việc kiểm tra hoạt động bồi dưỡng nghiệp vụ đánh giá dự án đầu tư đối với các đơn vị thuộc phạm vi quản lý của mình. Đối với địa phương, Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm giúp UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ trì, tổ chức kiểm tra hoạt động bồi dưỡng nghiệp vụ đánh giá dự án đầu tư đối với các Cơ sở đào tạo đánh giá dự án đầu tư đăng ký kinh doanh và có trụ sở chính tại địa phương mình.

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 26/01/2011.

(Xem toàn văn tại: www.mpi.gov.vn)

VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG

Quyết định số 16/2010/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn về việc ban hành Quy chế phối hợp quản lý giữa Ban Quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn với các Sở, Ban, Ngành, UBND các huyện và thành phố Lạng Sơn

Ngày 2/12/2010 UBND tỉnh Lạng Sơn đã ra Quyết định số 16/2010/QĐ-UBND về việc ban hành Quy chế phối hợp quản lý giữa Ban Quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn với các Sở, Ban, Ngành, UBND các huyện và

thành phố Lạng Sơn. Quy chế này quy định nguyên tắc, phạm vi không gian, lĩnh vực phối hợp quản lý giữa Ban Quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn (gọi tắt là Ban Quản lý) và các Sở, Ban, ngành tỉnh, UBND

các huyện, thành phố Lạng Sơn tỉnh Lạng Sơn. Quy chế này áp dụng cho các đối tượng là Ban Quản lý, các cơ quan liên quan và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến tổ chức và hoạt động của Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn và các Khu công nghiệp, Khu kinh tế khác trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn (gọi tắt là Khu kinh tế).

Quy chế quy định lĩnh vực phối hợp quản lý giữa các cơ quan có liên quan gồm: Lĩnh vực quản lý quy hoạch phát triển, xây dựng; Quản lý đất đai, môi trường; Quản lý đầu tư xây dựng; Quản lý sản xuất kinh doanh; Quản lý xuất khẩu, nhập khẩu; Quản lý tài chính, thuế, tín dụng; Quản lý Kết cấu hạ tầng kỹ thuật và xã hội; Quản lý lao động; Thanh tra, kiểm tra và thông tin báo cáo.

Ban Quản lý chủ trì phối hợp và trực tiếp quản lý các Khu chức năng: Các Khu cửa khẩu: Tân Thanh, Cốc Nam, Hữu Nghị, Chi Ma; Các Khu phi thuế quan, Khu hợp tác kinh tế biên giới Đồng Đăng, Khu trung chuyển hàng hóa, Khu chế xuất; Các Khu công nghiệp: Đồng Bàn, Hồng Phong, Cụm công nghiệp số 2; Các Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp khu cửa khẩu khác được UBND tỉnh giao.

Theo quy định tại Quy chế này Ban quản lý có trách nhiệm chủ trì xây dựng, trình UBND tỉnh quyết định và tổ chức thực hiện Quy hoạch phát triển Khu kinh tế; Quy hoạch chi tiết xây dựng các Khu chức năng; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chi tiết các Khu chức năng phù hợp với quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế đã được phê duyệt; Kế hoạch hàng năm và 5 năm về phát triển nguồn nhân lực, đáp ứng nhu cầu Khu kinh tế; Chương trình, kế hoạch về xúc tiến đầu tư phát triển Khu kinh tế; Quản lý, phổ biến, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, thanh tra và phối hợp xử lý vi phạm hành chính việc thực hiện quy định, quy hoạch, kế hoạch có liên quan tới khu công nghiệp, các khu chức năng trong Khu kinh tế đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng,

Sở Tài nguyên và Môi trường, các cơ quan có liên quan của tỉnh và chính quyền địa phương tổ chức xác định ranh giới, mốc giới tại thực địa theo quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt của các khu quy định tại Quy chế này; Thực hiện đăng ký đầu tư, thẩm tra và cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư đối với các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền theo Luật Đầu tư; Giải quyết các khó khăn, vướng mắc của nhà đầu tư tại khu công nghiệp, khu kinh tế và kiến nghị Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giải quyết những vấn đề vượt thẩm quyền; Quản lý và sử dụng các nguồn vốn đầu tư phát triển khu kinh tế thuộc thẩm quyền; quản lý đầu tư, xây dựng, đấu thầu đối với các dự án đầu tư bằng vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước tại khu kinh tế thuộc thẩm quyền; Trực tiếp xây dựng kế hoạch đầu tư, nâng cấp, sửa chữa, duy trì bảo dưỡng các công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật và xã hội được giao theo yêu cầu của từng giai đoạn trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Kinh phí duy tu, bảo dưỡng các công trình trên được lập dự toán chi hàng năm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm xây dựng Danh mục các dự án đầu tư và kế hoạch vốn đầu tư phát triển hàng năm và 5 năm đối với các Khu quy định tại Quy chế này gửi Ban Quản lý để tổng hợp chung và trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Đầu mỗi tiếp nhận đăng ký đầu tư, thẩm tra và trình UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án đầu tư vào Khu kinh tế.

Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì nghiên cứu lập Quy hoạch, Kế hoạch sử dụng đất các khu quy định tại Quy chế này phù hợp với quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế đã được phê duyệt trình UBND tỉnh quyết định; Tiếp nhận hồ sơ và thực hiện các thủ tục về giao đất, cho thuê đất, thuê mặt nước chuyên dùng; Tiếp nhận, tổ chức thực hiện thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường trình

UBND tỉnh quyết định, thẩm định hồ sơ và cấp Giấy xác nhận đăng ký cam kết bảo vệ môi trường của các dự án đầu tư tại các khu quy định tại Quy chế này.

Ngoài ra các Sở, ban, ngành có liên quan căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của mình để phối hợp với UBND và Ban quản lý thực hiện tốt trách nhiệm của cơ quan trong công tác quản lý khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng – Lạng Sơn.

Những nội dung quản lý đối với Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn chưa quy định tại quy chế này được thực hiện theo các quy định hiện hành.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 07/2009/QĐ-UBND ngày 10/6/2009.

(Xem toàn văn tại: www.langson.gov.vn)

Chỉ thị số 24/CT-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về công tác tăng cường đảm bảo trật tự xây dựng, trật tự đô thị và an toàn giao thông trên địa bàn Thành phố Hà Nội

Ngày 2/12/2010 UBND thành phố Hà Nội đã ban hành Chỉ thị số 24/CT-UBND về công tác tăng cường đảm bảo trật tự xây dựng, trật tự đô thị và an toàn giao thông trên địa bàn Thành phố Hà Nội. Quản lý trật tự đô thị là một trong những lĩnh vực vô cùng quan trọng, luôn được Thành phố xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm. Công tác quản lý trật tự đô thị, quản lý hè phố, lòng đường... được chính quyền các cấp quan tâm chỉ đạo, bước đầu tạo được nề nếp ở nhiều khu vực, nhiều tuyến phố. Tuy nhiên, công tác quản lý đô thị và trật tự an toàn giao thông tại một số quận, huyện và thị xã vẫn còn bộc lộ một số tồn tại, số vụ vi phạm về trật tự xây dựng và an toàn giao thông còn nhiều, vệ sinh môi trường còn nhiều vấn đề bất cập, ý thức của một bộ phận nhân dân còn hạn chế...

Do đó để tiếp tục duy trì và phát huy những kết quả đạt được, khắc phục những hạn chế và để nâng cao ý thức trách nhiệm, tăng cường sự chỉ đạo, điều hành của các quận, huyện, thị xã, các phường, xã, thị trấn, các sở, ban, ngành Thành phố trong công tác quản lý trật tự xây dựng, trật tự an toàn giao thông, vệ sinh môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố yêu cầu: Giám đốc Sở Xây dựng, Chủ tịch UBND các quận, huyện xã theo chức năng,

nhiệm vụ được giao phải chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND thành phố về quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn; chỉ đạo tăng cường công tác đảm bảo trật tự xây dựng; cấp giấy phép xây dựng phải đảm bảo đúng quy hoạch; tăng cường kiểm tra việc xây dựng theo giấy phép; kịp thời ngăn chặn, xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm trật tự xây dựng như: xây dựng trái phép, xây dựng không phép, xây dựng “nhà siêu mỏng, siêu méo”, xây dựng công trình không đảm bảo các điều kiện về an toàn lao động, vệ sinh công trường...

Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Công an Thành phố, Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã: Chỉ đạo tăng cường công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông trên địa bàn; tăng cường kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm trật tự xây dựng và an toàn giao thông là nguyên nhân trực tiếp gây ra tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông, như: xây dựng, chỉnh trang các hạng mục công trình trên đường, hè phố không tuân thủ quy trình thi công đã được phê duyệt, các phương tiện chở quá tải trọng, quá số người cho phép; phương tiện không đảm bảo điều kiện kỹ thuật an toàn; điều khiển phương tiện phóng nhanh, vượt ẩu, đi không đúng làn đường, phần đường quy định; lạng lách, đánh

võng, đua xe trái phép; đỗ, dừng phương tiện không đúng quy định; đi xe máy không đội mũ bảo hiểm; phương tiện hoạt động tại các tuyến đường, khu vực, thời gian cấm hoạt động; đón trả khách không đúng nơi quy định; vận chuyển vật liệu, đất cát, phế thải không đảm bảo điều kiện về vệ sinh môi trường, làm rơi vãi trên đường phố...

Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã: Chỉ đạo thường xuyên kiểm tra, kiên quyết xử lý các hành vi lấn chiếm hè phố, lòng đường để bán hàng rong, kinh doanh dịch vụ, để vật liệu xây dựng, trồng giữ xe, lợp mái che, mái vẩy, quảng cáo không đúng quy định làm ảnh hưởng đến mỹ quan đô thị. Giám đốc Sở Xây dựng, Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã phải tăng cường kiểm tra các công trình xây dựng trong

đô thị, xử lý nghiêm các chủ đầu tư, nhà thầu thi công có hành vi xây dựng trái phép, không phép, không che chắn công trường gây bụi, bẩn, ách tắc giao thông đường phố và khu vực xung quanh công trình.

Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với Ban Tuyên giáo Thành ủy, Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch: Chỉ đạo các cơ quan thông tin, tuyên truyền, các quận, huyện, thị xã, các phường, xã, thị trấn tăng cường công tác tuyên truyền để nâng cao ý thức, nhận thức của các tầng lớp nhân dân Thủ đô đối với việc ủng hộ, tham gia công tác đảm bảo trật tự đô thị, trật tự xây dựng, an toàn giao thông và vệ sinh môi trường trên địa bàn Thành phố.

(Xem toàn văn tại: www.hanoi.gov.vn)

Quyết định số 30/2010/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành Quy định về chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án thủy lợi, thủy điện trên địa bàn tỉnh Yên Bái

Ngày 22/11/2010 UBND tỉnh Yên Bái đã ban hành Quyết định số 30/2010/QĐ-UBND Quy định về chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án thủy lợi, thủy điện trên địa bàn tỉnh Yên Bái, trừ những dự án có sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA). Quy định này áp dụng cho các đối tượng là hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư bị thu hồi đất (tại vùng lòng hồ, vị trí xây dựng đập, các công trình đầu mối, công trình phụ trợ và nơi xây dựng khu, điểm tái định cư) bị thiệt hại và tổ chức, cá nhân có liên quan.

Việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho người dân dựa trên nguyên tắc đảm bảo người dân tái định cư có chỗ ở, cuộc sống ổn định, có điều kiện phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập,

từng bước hoàn thiện cơ sở hạ tầng, cuộc sống vật chất và văn hóa tinh thần tốt hơn nơi ở cũ, ổn định lâu dài, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và củng cố an ninh quốc phòng chung của địa phương. Đồng thời đảm bảo hài hòa lợi ích giữa người dân tái định cư với người dân sở tại, quá trình thực hiện đảm bảo dân chủ, công khai, công bằng, minh bạch, đúng mục tiêu, đúng đối tượng và hiệu quả.

Người sử dụng đất bị thu hồi để thực hiện các dự án thủy lợi, thủy điện được bồi thường thiệt hại về đất và tài sản gắn liền với đất bị thu hồi theo qui định tại Quyết định số 02/2010/QĐ-UBND. Trường hợp được bồi thường bằng đất ở, đất sản xuất mà giá trị đất được giao thấp hơn giá trị đất bị thu hồi thì người bị thu hồi được nhận thêm phần chênh lệch; nếu giá trị đất ở,

đất sản xuất được giao lớn hơn giá trị đất bị thu hồi thì người bị thu hồi đất không phải nộp thêm phần chênh lệch. Đất bán ngập trong lòng hồ hình thành sau khi tạo thành hồ nước mà đất đó đã được bồi thường, hỗ trợ thì thuộc quỹ đất do Ủy ban nhân dân cấp xã sở tại quản lý, sử dụng theo pháp luật.

Trường hợp hộ gia đình có đất sản xuất ở vị trí trên cốt ngập lòng hồ, chuyển đến điểm tái định cư xa nơi sản xuất cũ, không thuận lợi cho việc tiếp tục sản xuất, nếu người dân có đơn đề nghị thì chủ đầu tư dự án phối hợp với Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư xem xét từng trường hợp để đề nghị cấp thẩm quyền thu hồi và thực hiện bồi thường, hỗ trợ theo Quy định này và các qui định của pháp luật có liên quan. Trường hợp đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng Nhà nước đã giao cho các tổ chức quản lý mà các tổ chức đã giao khoán lại cho các tổ chức khác, hộ gia đình, cá nhân khoanh nuôi tái sinh rừng, chăm sóc, bảo vệ rừng hoặc trồng rừng bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước theo hợp đồng khoán, khi Nhà nước thu hồi đất, hộ gia đình, cá nhân không được bồi thường về đất nhưng được bồi thường về cây trồng trên đất.

Đối với công trình công cộng được xây dựng bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước bị thiệt hại nhưng không có nhu cầu xây dựng lại tại nơi ở mới theo qui hoạch thì không được bồi thường; trường hợp khi xây dựng công trình công cộng có sự tham gia bằng ngày công, vật tư và tiền của nhân dân, xây dựng bằng vốn đóng góp của cộng đồng, tập thể thì được bồi thường, thiệt hại. Mức bồi thường đối với các trường hợp qui định tại khoản này do Tổ chức được giao nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng căn cứ vào chứng từ hợp pháp để lập phương án bồi thường, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Hộ tái định cư tập trung, hộ tái định cư xen ghép, hộ sở tại bị thu hồi đất ở để xây dựng khu, điểm tái định cư, ngoài số tiền nhận bồi thường thiệt hại về đất ở, nhà ở, công trình phục vụ sinh

hoạt đời sống tại nơi ở cũ theo qui định tại Quyết định số 02/2010/QĐ-UBND ngày 21/01/2010 của UBND tỉnh Yên Bái còn được hỗ trợ tiền để làm nhà ở. Mức hỗ trợ là 4.000.000 đồng/một nhân khẩu hợp pháp (nhân khẩu hợp pháp là người có tên trong sổ hộ khẩu tại thời điểm thu hồi đất; nơi chưa cấp sổ hộ khẩu thì UBND cấp xã xác nhận số nhân khẩu thực tế của hộ gia đình tại thời điểm thu hồi đất).

Để đảm bảo đời sống của người dân được sớm ổn định sau tái định cư, UBND tỉnh có chính sách hỗ trợ về lương thực, y tế, giáo dục, thấp sáng, chất đốt cụ thể: Hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi đất ở, phải di chuyển chỗ ở và bị thu hồi toàn bộ đất sản xuất đang sử dụng được hỗ trợ lương thực trong thời gian 48 tháng; Hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi từ 30% đến 70% đất sản xuất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ lương thực 24 tháng; hộ bị thu hồi trên 70% diện tích đất sản xuất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ lương thực 36 tháng; Mức hỗ trợ cho một nhân khẩu được tính bằng tiền, tương đương 30kg gạo/nhân khẩu hợp pháp/tháng, theo giá của loại gạo trung bình trên thị trường của địa phương tại thời điểm hỗ trợ; Mỗi nhân khẩu hợp pháp của hộ tái định cư được hỗ trợ y tế một lần để phòng chống dịch bệnh tại nơi ở mới. Mức hỗ trợ là 50.000 đồng/nhân khẩu; Mỗi học sinh phổ thông các cấp thuộc hộ tái định cư được hỗ trợ bằng tiền, tương đương 01 bộ sách giáo khoa theo đơn giá tại thời điểm hỗ trợ do Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư xác định cho phù hợp với thực tế; không phải nộp học phí trong năm học đầu tiên tại nơi ở mới và được miễn các khoản đóng góp xây dựng trường trong 03 năm học liên tục, tính từ khi bắt đầu học tập tại nơi ở mới; Mỗi nhân khẩu hợp pháp của hộ tái định cư được hỗ trợ thấp sáng trong một năm đầu (kể từ ngày chuyển đến nơi ở mới). Mức hỗ trợ bằng tiền tương đương 1,5 lít dầu hỏa/nhân khẩu/tháng, giá dầu hỏa theo giá

tại thời điểm hỗ trợ; Mỗi nhân khẩu hợp pháp của hộ tái định cư được hỗ trợ chất đốt trong một năm đầu (kể từ ngày chuyển đến nơi ở mới). Mức hỗ trợ bằng tiền tương đương 3 lít dầu hỏa/nhân khẩu/tháng, giá dầu hỏa theo giá tại thời điểm hỗ trợ.

Ngoài ra UBND tỉnh còn hỗ trợ các hộ gia đình về trồng trọt, chăn nuôi mức hỗ trợ bằng 500 đồng/m² đất trồng cây hàng năm đang sử dụng/vụ; Mức hỗ trợ bằng 500 đồng/m² đất trồng cây hàng năm đang sử dụng/vụ. Để đảm bảo tiến độ dự án hộ bị thu hồi đất ở có nhà ở phải di chuyển mà thực hiện di chuyển theo đúng kế hoạch, tiến độ thông báo của Hội đồng bồi thường được thưởng bằng tiền một lần là 5.000.000 đồng/hộ. . Đối với đồng bào các dân tộc không có tập quán di chuyển mồ mả được hỗ trợ một lần kinh phí làm lễ tâm linh theo truyền thống. Mức hỗ trợ là 1.000.000 đồng/ngôi mộ trong phạm vi đất bị thu hồi.

Việc lập qui hoạch tổng thể và qui hoạch chi tiết đối với các dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng, di dân tái định cư thuộc hai huyện, thành phố, thị xã trở lên hoặc có số hộ phải di dời nhà

ở từ 300 hộ trở lên phải đảm bảo Phù hợp qui hoạch tổng thể phát triển kinh tế, xã hội, qui hoạch ngành của từng vùng, từng địa phương; Bảo đảm đủ đất sản xuất cho hộ tái định cư có thu nhập chủ yếu từ sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp với diện tích tối thiểu là 1.500m² đất lúa nước hai vụ hoặc 2.500m² đất lúa nước một vụ hoặc 5.000m² đất nương rẫy; Có đủ nguồn nước phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt và đảm bảo vệ sinh, môi trường tại khu, điểm tái định cư.

Các dự án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trước ngày Qui định này có hiệu lực thì không áp dụng Qui định này. Chủ đầu tư dự án thủy lợi, thủy điện có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với UBND tỉnh, các cơ quan chuyên môn, Tổ chức được giao nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng để tổ chức thực hiện Qui định này và các qui định của pháp luật có liên quan.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại: www.yenbai.gov.vn)

Nghiệm thu đề tài:

Nghiên cứu hiệu quả áp dụng và hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn dùng xi măng làm đường bê tông

Ngày 16/12/2010, tại Bộ Xây dựng, Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng đã họp nghiệm thu đề tài "Nghiên cứu hiệu quả áp dụng và hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn dùng xi măng làm đường bê tông" do Viện Khoa học công nghệ xây dựng thực hiện. TS. Trần Hữu Hà - Phó Vụ trưởng Vụ KHCN & MT Bộ Xây dựng chủ trì cuộc họp.

Báo cáo trước Hội đồng, TS. Trịnh Việt Cường - Chủ nhiệm đề tài đã giới thiệu tóm tắt các nội dung nghiên cứu, bao gồm tổng quan về đường bê tông xi măng trên thế giới và Việt Nam, một số kết quả khảo sát thực tế về công tác thi công và nghiệm thu đường bê tông xi măng qua các dự án áp dụng tiêu chuẩn do Bộ Quốc phòng ban hành, những nội dung cơ bản của Dự thảo tiêu chuẩn: "Mặt đường bê tông xi măng trong đô thị và khu công nghiệp - hướng dẫn thi công và nghiệm thu".

Theo báo cáo của nhóm thực hiện đề tài, việc nghiên cứu sử dụng xi măng làm đường bê tông xi măng là một nhu cầu cấp thiết đối với nước ta hiện nay, do những đặc tính ưu việt của đường bê tông về độ bền, đáp ứng điều kiện khí hậu nhiệt đới, tận dụng được nguồn nguyên liệu sẵn có trong nước, giải quyết đầu ra cho ngành công nghiệp xi măng... Hiện nay, ở nước ta mới chỉ có tiêu chuẩn thiết kế đường bê tông xi măng mà chưa có tiêu chuẩn về thi công - nghiệm thu đường bê tông xi măng. Đối với một số dự án đường bê tông xi măng của Bộ Quốc phòng như đường tuần tra biên giới, đường Trường Sơn Đông đang áp dụng tiêu chuẩn riêng do Bộ Quốc phòng ban hành.

Qua nghiên cứu tài liệu của nước ngoài, có thể thấy, đường bê tông xi măng đã và đang



Toàn cảnh cuộc họp của Hội đồng

được áp dụng phổ biến ở nhiều nước như Trung Quốc, Áo, Úc, CHLB Đức, Mỹ... Công nghệ thi công đường bê tông xi măng chủ yếu gồm đổ tại chỗ và lắp ghép, trong đó phương pháp đổ tại chỗ phổ biến hơn. Ở Việt Nam, đường bê tông xi măng cũng xuất hiện khá sớm, tuy nhiên tỷ lệ còn thấp (dưới 10%), và chủ yếu được sử dụng làm đường giao thông nông thôn.

Bên cạnh những ưu điểm như cường độ cao, ổn định khi ngập nước, ít mài mòn, thời gian sử dụng lâu dài (30-40 năm), có thể thi công cơ giới, ít cần bảo dưỡng, các lợi ích khác về xã hội, môi trường và kinh tế... đường bê tông xi măng cũng có những nhược điểm như không thông xe được ngay sau khi thi công, độ ồn cao hơn, khe co giãn làm giảm độ êm thuận của đường, có thể bị nứt vỡ mặt đường do lún không đều, công tác sửa chữa khắc phục hư hỏng khó khăn hơn...Tuy nhiên xét về hiệu quả kinh tế tổng thể, đường bê tông xi măng có nhiều triển vọng phát triển ở nước ta.

Qua nghiên cứu các tiêu chuẩn thi công - nghiệm thu đường bê tông xi măng của Mỹ, Úc, châu Âu, Trung Quốc, nhóm đề tài thấy rằng

các tiêu chuẩn của Trung Quốc có nhiều nội dung phù hợp và gần gũi với điều kiện nước ta, từ đó quyết định sử dụng tiêu chuẩn Trung Quốc làm cơ sở để biên soạn tiêu chuẩn Việt Nam: "Mặt đường bê tông xi măng trong đô thị và khu công nghiệp - hướng dẫn thi công và nghiệm thu".

Theo nhận xét của các chuyên gia phản biện, nhóm đề tài đã thực hiện các nội dung nghiên cứu một cách công phu, nêu được bức tranh tổng quát về tình hình sử dụng đường bê tông xi măng, công nghệ thi công đường bê tông xi măng trên thế giới và Việt Nam. Đề tài cũng phân tích thuyết phục các ưu điểm cũng như những hạn chế của đường bê tông xi măng, tổng hợp và phân tích các tiêu chuẩn thi công - nghiệm thu đường bê tông xi măng của một số nước. Dự thảo tiêu chuẩn do nhóm đề tài đề xuất về cơ bản đã đề cập đầy đủ các vấn đề về thi công - nghiệm thu đường bê tông xi măng, khắc phục được những nhược điểm của các tiêu

chuẩn thi công - nghiệm thu do Bộ Quốc phòng ban hành áp dụng cho dự án đường tuần tra biên giới và đường Trường Sơn Đông.

Phát biểu kết luận, TS. Trần Hữu Hà - Chủ tịch Hội đồng đã ghi nhận những nỗ lực của nhóm đề tài. Hội đồng khẳng định tính cần thiết của việc thực hiện đề tài cùng với các sản phẩm của đề tài, vì cho đến nay, nước ta chưa có tiêu chuẩn về thi công - nghiệm thu đường bê tông xi măng. Hội đồng nhất trí nghiệm thu các kết quả của đề tài và đề nghị nhóm đề tài làm rõ thêm căn cứ để lựa chọn tiêu chuẩn của Trung Quốc làm tiêu chuẩn cơ sở, bổ sung cho dự thảo tiêu chuẩn phần chỉ dẫn về ván khuôn, công nghệ thi công mặt đường bê tông xi măng có cốt thép, hướng dẫn chi tiết hơn công tác dưỡng hộ mặt đường bê tông xi măng, biên tập lại và hoàn thiện tiêu chuẩn để sớm trình Bộ KHCN thẩm định và ban hành.

Minh Tuấn

Nghiên cứu chế tạo sơn vô cơ chống ăn mòn cho kết cấu thép và kim loại (Mã số: RD 38-09)

Ngày 23/12/2010, tại Bộ Xây dựng, Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng đã tiến hành nghiệm thu đề tài: "Nghiên cứu chế tạo sơn vô cơ chống ăn mòn cho kết cấu thép và kim loại" do ThS. Phạm Thị Vinh Nga – Viện Vật liệu Xây dựng làm chủ nhiệm đề tài.

Thay mặt nhóm nghiên cứu ThS. Trịnh Thị Hằng – Viện Vật liệu Xây dựng đã báo cáo tóm tắt trước Hội đồng kết quả của đề tài. Với tổng dài 80 trang, bố cục đề tài được chia làm 8 phần. Mục tiêu của đề tài là đưa ra được quy trình công nghệ sản xuất và quy trình thi công sơn vô cơ trên cơ sở silicate kali có môđun silic cao làm sơn phủ chống ăn mòn cho kết cấu thép và kim loại. Nội dung nghiên cứu chủ yếu là lựa chọn loại nguyên liệu và giải pháp công nghệ thích hợp để nâng cao môđun silic của thủy tinh lỏng kali sử dụng trong chế tạo sơn vô cơ chống ăn



ThS. Nguyễn Đình Thái - Phó Vụ trưởng Vụ KHCN&MT - Chủ tịch Hội đồng nghiệm thu phát biểu kết luận cuộc họp của Hội đồng

mòn, nghiên cứu cấp phối và quy trình chế tạo sơn vô cơ chống ăn mòn, đề xuất quy trình thi công sơn vô cơ chống ăn mòn cho kết cấu thép và kim loại, tiếp đến đưa vào sản xuất và ứng dụng thử hệ sơn vô cơ chống ăn mòn, từ đó

đánh giá chỉ tiêu chất lượng, hiệu quả kinh tế – kỹ thuật của hệ sơn nghiên cứu, so sánh với sản phẩm tương đương là sơn etyl silicate, cuối cùng là khảo sát, đánh giá và lấy ý kiến của một số doanh nghiệp sử dụng và sản xuất sơn chống ăn mòn cho kết cấu thép và kim loại.

Theo các chuyên gia, Sơn chống ăn mòn bảo vệ kết cấu thép và kim loại thông thường có 2 lớp: sơn lót và sơn phủ. Trước đây phần lớn là sử dụng loại sơn lót trên cơ sở ôxít chì đỏ Pb3O4 và được đánh giá cao. Tuy nhiên do hợp chất này rất độc, việc sản xuất và thi công phải bảo hộ lao động rất nghiêm ngặt nên dần dần bị hạn chế sử dụng, một số quốc gia đã cấm hoàn toàn sử dụng loại sơn này. Thay thế cho sơn lót ôxít chì đỏ là sơn lót giàu kẽm thành phần của sơn bao gồm chất kết dính hữu cơ hoặc vô cơ, bụi kẽm, dung môi hữu cơ hoặc dung môi nước, có thể thêm một số phụ gia, tùy thuộc vào chất lượng của bụi kẽm và loại chất kết dính, sơn lót giàu kẽm còn có khả năng chống ăn mòn ở mức độ cao trong một số môi trường xâm thực. Thực tế cho thấy để đạt được hệ thống lớp phủ có tuổi thọ cao cần dùng lớp sơn lót giàu kẽm như một lớp phủ đầu. Kẽm cung cấp 3 yếu tố bảo vệ chống ăn mòn như: giúp bề mặt kim loại không tiếp xúc với môi trường ăn mòn, cung cấp điện cực bảo vệ và tự phục hồi các hư hại nhỏ trong lớp phủ tạo thành một hàng rào chắn để xúc tiến quá trình hoạt động điện hoá.

Thông qua việc nghiên cứu và dựa trên cơ sở phân tích khoa học về sơn silicate giàu kẽm, nhóm nghiên cứu đã tiến hành nghiên cứu sản xuất thử 500kg sơn và ứng dụng thử loại sơn chống ăn mòn này tại 3 cơ sở là: Đơn vị cung cấp các dịch vụ kỹ thuật dầu khí và hoá phẩm phục vụ công tác khoan và khai thác dầu khí, trực thuộc TCty Dung dịch khoan và hoá phẩm dầu khí; Cty Cổ phần Lilama 18 và Cty Cổ phần xây lắp dầu khí miền Nam.

Nguyên liệu chính chủ yếu gồm thuỷ tinh lỏng kali, bột hydrogel silica, chất hoạt động bề

mặt – hợp chất silane và hỗn hợp bụi kẽm. Các thiết bị gồm máy nghiền bi công suất 1 tấn/mẻ, máy khuấy công suất 800kg/mẻ, ngoài ra còn phải chuẩn bị máy bơm nước, cân định lượng... Vì sơn silicate kẽm là sơn 2 thành phần, do đó, sản phẩm được đóng thùng riêng rẽ.

Để sản xuất chất kết dính, định lượng dung dịch thuỷ tinh lỏng kali và hợp chất silane nạp vào thùng khuấy, bật máy khuấy ở tốc độ 3000 vòng/phút. Định lượng phần hydrogel silica, sau đó cho từ từ lượng hydrogel silica vào dung dịch cho đến khi hết. Dung dịch sau khi cho hydrogel silica sẽ rất đục, sau khi khuấy khoảng 3 giờ thì dung dịch trong dần đến độ trong suốt, độ nhớt của dung dịch tăng lên. Đặc biệt trong khoảng thời gian này, tính toán lượng nước đưa vào để hàm lượng phần khô đạt được sau cùng là 25%. Sau khi cho nước vào khuấy tiếp đến khi thu được dung dịch có độ nhớt cao, trong suốt và đồng nhất. Duy trì nhiệt độ của dung dịch trong quá trình biến tính đạt 70°C, kết thúc quá trình khuấy để nguội ở nhiệt độ phòng. Dung dịch chất kết dính vô cơ có các chỉ tiêu kỹ thuật sau: dung dịch nhớt, trong suốt, không có màu, hàm lượng gốc khô: 25%; modul silicate: 5; tỷ trọng: 1,4; độ nhớt: 310cP; pH: 9- 10. Sau công đoạn khuấy trộn biến tính nâng cao mô đun chất kết dính, tháo sản phẩm ra khỏi máy khuấy, sản phẩm tháo ra được đóng thùng ngay sau đó đưa vào lưu kho chờ xuất xưởng.

Để sản xuất hỗn hợp bụi kẽm, cần định lượng bộ nguyên liệu bao gồm: bụi kẽm, bột nhôm, titan oxit, chất phân tán. Đổ tất cả nguyên liệu vào thùng trộn, bật motor máy nghiền, thời gian nghiền là 2 giờ, sau đó tháo sản phẩm, định lượng cho vào túi nylon buộc chặt. Hỗn hợp bụi kẽm cho hệ sơn nghiên cứu sau chế tạo có các chỉ tiêu: bột nặng, màu xám, hàm lượng kẽm tổng: 97,65%; hàm lượng TiO₂: 1,5%; hàm lượng Al₂O₃: 0,5%. Sau quá trình nghiền trộn hỗn hợp kẽm tiến hành tháo sản phẩm ra khỏi máy trộn và cho sản phẩm vào thùng, đưa vào kho lưu trữ chờ xuất xưởng.

Trong quá trình pha trộn sơn chống ăn mòn, do sơn silicate kali kẽm là loại sơn hệ nước, hai thành phần nên trước khi tiến hành sơn phủ mới trộn thành phần hỗn hợp bụi kẽm vào chất kết dính. Định lượng thành phần chất kết dính cho vào thùng khuấy, bật máy khuấy tốc độ 500-600 vòng/ phút. Tiếp đến cho từ từ thành phần hỗn hợp bụi kẽm đã được định lượng vào thùng khuấy cùng với chất kết dính, khuấy cho đến khi quan sát thấy thành phần hỗn hợp bụi kẽm được phân tán đồng đều trong chất kết dính, thời gian khoảng 15 phút. Trong quá trình khuấy, tránh đổ ồ ạt hỗn hợp bụi kẽm vào chất kết dính hoặc theo trình tự ngược lại, như vậy sẽ dẫn tới hiện tượng vón cục các hạt màu kẽm, sơn không đồng đều và không đạt độ mịn. Do sơn silicate giàu kẽm dung môi nước nên không ảnh hưởng đến sức khỏe và môi trường xung

quanh, không bắt cháy, không mùi, an toàn trong quá trình lưu kho và vận chuyển.

Theo đánh giá của Hội đồng nghiệm thu, đây là đề tài có tính thực tiễn cao, bố cục nội dung được xây dựng chặt chẽ, trình bày rõ ràng, công nghệ đã được ứng dụng thử tại 3 cơ sở, kết quả phản hồi nhận xét đều đạt yêu cầu, không bong chóc, rỉ sét. Việc đưa ra kết quả nghiên cứu này có ý nghĩa rất lớn với nước ta hiện nay, có thể phát triển trong nước để giảm tình trạng nhập siêu, một vấn đề mà chính phủ đang quan tâm. Tuy nhiên đề tài vẫn còn một số lỗi, nhóm nghiên cứu cần chỉnh sửa và bổ sung theo góp ý của các thành viên trong Hội đồng.

Đề tài đã được Hội đồng nhất trí nghiệm thu và xếp loại Xuất sắc./.

Bích Ngọc

Hội thảo tập huấn “Sản xuất sạch hơn và quản lý môi trường trong các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng”

Ngày 21/12/2010 tại Hà Nội, Bộ Xây dựng đã tổ chức Hội thảo tập huấn “Sản xuất sạch hơn và quản lý môi trường trong các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng”. Đến dự Hội thảo có TS. Trần Hữu Hà – Phó Vụ trưởng Vụ KHCN và MT Bộ Xây dựng, TS. Thái Duy Sâm – Phó Chủ tịch Hội Vật liệu xây dựng Việt Nam; đại diện Bộ Công thương, các Cục, Vụ, Viện có liên quan của Bộ Xây dựng, cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật sản xuất, an toàn lao động, quản lý môi trường và các bộ phận có liên quan của các Tập đoàn, Tổng Công ty, Công ty, các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng (VLXD) trực thuộc Bộ Xây dựng, cùng các cán bộ phòng quản lý VLXD của Sở Xây dựng từ 32 tỉnh thành từ Thừa Thiên Huế trở ra, cán bộ quản lý và giảng viên các khoa, bộ môn có liên quan tại các trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp nghề của Bộ Xây dựng.

Hội thảo được tổ chức nhằm mục đích giới thiệu, cung cấp, chia sẻ thông tin, kinh nghiệm



TS. Trần Hữu Hà - Phó Vụ trưởng Vụ KHCN & MT Bộ Xây dựng phát biểu tại Hội thảo

và giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý môi trường và áp dụng sản xuất sạch hơn trong các cơ sở sản xuất của ngành Xây dựng nói chung và các cơ sở sản xuất VLXD nói riêng.

Phát biểu khai mạc Hội thảo tập huấn, TS. Trần Hữu Hà đã nhấn mạnh tính hiệu quả và bền vững là mục đích của ngành Xây dựng, song song với đó là mục tiêu bảo vệ môi trường. Những năm gần đây sản xuất VLXD là một trong

những mũi nhọn phát triển của ngành Xây dựng Việt Nam nhằm phấn đấu đáp ứng đủ nhu cầu tiêu thụ trong nước và phục vụ xuất khẩu, các cơ sở sản xuất VLXD đã không ngừng đổi mới công nghệ tiên tiến, nâng cao chất lượng sản phẩm, đặc biệt là các cơ sở sản xuất xi măng, gạch... Bên cạnh việc thay thế các máy móc sản xuất cũ, lạc hậu bằng những máy móc, trang thiết bị sản xuất mới hiện đại hơn, các cơ sở sản xuất còn nghiên cứu và áp dụng các phương pháp sản xuất mới để giảm lượng phát thải gây ô nhiễm môi trường, tiết kiệm nguyên nhiên liệu, sử dụng năng lượng hiệu quả. Việc áp dụng chương trình sản xuất sạch hơn trong các doanh nghiệp không chỉ giúp các doanh nghiệp nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên thiên nhiên, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường mà còn giúp các doanh nghiệp nâng cao năng suất lao động, đảm bảo chất lượng sản phẩm và đời sống của người lao động.

Tại Hội thảo đại diện Bộ Công thương đã giới thiệu về Hợp phần sản xuất sạch hơn trong công nghiệp (CPI) là chương trình hợp tác giữa Chính phủ Việt Nam và Đan Mạch về môi trường, Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Công thương là đơn vị đầu mối tổ chức triển khai thực hiện chương trình này. Sản xuất sạch hơn trong công nghiệp được thực hiện trên cơ sở tăng cường quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường và nhận thức của các cơ sở sản xuất công nghiệp về lợi ích được mang lại từ việc áp dụng sản xuất sạch hơn. Sản xuất sạch hơn sẽ giúp các doanh nghiệp nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên thiên nhiên, nguyên nhiên liệu, vật liệu, giảm thiểu phát thải và hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm, bảo vệ và cải thiện chất lượng môi trường, sức khỏe con người và bảo đảm phát triển bền vững.

Trong khuôn khổ chương trình các chuyên đề liên quan đến sản xuất sạch và môi trường đã được trao đổi tại Hội thảo như: Hiện trạng môi trường, nguồn thải và tải lượng phát thải khí thải trong các cơ sở sản xuất VLXD; Hiện trạng

các thiết bị và giải pháp xử lý môi trường trong các cơ sở sản xuất VLXD; Hiện trạng và chính sách về sản xuất sạch hơn trong các doanh nghiệp sản xuất ở Việt Nam; Giới thiệu các kỹ thuật thực hiện sản xuất sạch hơn và khả năng áp dụng trong công nghiệp sản xuất VLXD; Sản xuất sạch hơn trong sản xuất tấm lợp và giới thiệu điển hình áp dụng; Sản xuất sạch hơn trong sản xuất gạch, gốm sứ và giới thiệu điển hình áp dụng. Trong đó đáng chú ý là kinh nghiệm về sản xuất sạch của Nhà máy xi măng Lưu Xá thành viên thuộc Công ty CP Đầu tư và Sản xuất công nghiệp. Năm 2007 dưới sự hỗ trợ của Bộ Công thương và Trung tâm Sản xuất sạch Việt Nam, nhà máy xi măng Lưu Xá đã thực hiện đánh giá sản xuất sạch hơn, xác định các giải pháp cải tiến, quản lý nội bộ không tốn chi phí và chi phí thấp với tổng giá trị đầu tư khoảng 1,5 tỷ đồng, do đó hàng năm đã tiết kiệm được 999,5 triệu đồng gồm tiền điện, tiền nguyên liệu, tiền than và chi phí sửa chữa thiết bị. Bên cạnh đó nhà máy xi măng Lưu Xá đã đầu tư 4,49 tỷ đồng để thay thế hệ thống đập bụi nước bằng hệ thống lọc bụi tay áo hiệu suất cao chuyển đổi sang hệ thống đập hàm, búa trong hệ kín có hút lọc bụi, việc đầu tư này không những giúp cải thiện đáng kể tình trạng môi trường ở nhà máy (giảm 1.509,3 tấn khí CO₂/năm, giảm phát thải 178,5 tấn bụi/năm, hàm lượng bụi trong khí thải lò nung đạt 42 mg/m³, hàm lượng bụi trong khí thải sấy đạt 37 mg/m³, đạt TCVN 5939:2005 về khí thải công nghiệp), mà còn giúp nhà máy tiết kiệm được gần 603,8 triệu đồng mỗi năm.

Hội thảo lần này là cơ hội để cho các nhà quản lý về sản xuất VLXD và môi trường cùng các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất có hiểu biết nhiều hơn về phương pháp kỹ thuật sản xuất sạch hơn và cách áp dụng vào thực tiễn sản xuất của doanh nghiệp.

Quỳnh Anh

Hội thảo: “Vách nhôm kính thế hệ mới – Giải pháp tiết kiệm năng lượng và thân thiện với môi trường cho các công trình cao tầng tại Việt Nam”

Ngày 15/12/2010, tại Hà Nội đã diễn ra Hội thảo “Vách nhôm kính thế hệ mới - giải pháp tiết kiệm năng lượng cho các công trình cao tầng tại Việt Nam” do Công ty Eurowindow phối hợp với Công ty Technal, Công ty PPG tổ chức dưới sự bảo trợ của Bộ Xây dựng

Tham dự hội thảo có đại diện lãnh đạo Vụ Vật liệu xây dựng, Vụ Hợp tác quốc tế, Vụ KHCN và Môi trường – Bộ Xây dựng; Hội Kiến trúc sư Việt Nam; Hội Vật liệu xây dựng; các chủ đầu tư, công ty xây dựng, công ty tư vấn thiết kế; các chuyên gia đến từ hãng nhôm Technal và hãng sơn PPG và Eurowindow. Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Trần Nam đã đến dự và phát biểu tại Hội thảo.

Tước tình trạng khủng hoảng năng lượng, ô nhiễm môi trường trên toàn cầu hiện nay thì vấn đề tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường không còn là việc riêng của bất kỳ quốc gia nào. Ở Việt Nam hiện nay, việc ứng dụng giải pháp tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường cho các công trình xây dựng không chỉ nhận được sự quan tâm của chủ đầu tư mà còn của cộng đồng và toàn xã hội. Năm 2003, Chính phủ đã ban hành Nghị định 102 về việc sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, trong đó có đề cập đến vấn đề sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong các công trình xây dựng. Ngày 14/4/2006, Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 79/2006/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2006 – 2015.

Phát biểu tại Hội thảo, Thứ trưởng Nguyễn Trần Nam cho biết: “Ở Việt Nam hiện nay, các tòa nhà cao có kiến trúc hiện đại ngày một nhiều và sẽ còn nhiều thêm trong tương lai. Đây là điều đáng mừng, phản ánh sự phát



Thứ trưởng Nguyễn Trần Nam (thứ 2 từ trái sang) chủ trì Hội thảo

triển của xã hội. Nhưng nó cũng đặt ra cho các nhà quản lý Nhà nước, quản lý đô thị, các nhà chuyên môn về tư vấn thiết kế, đặc biệt là thiết kế đô thị và thiết kế công trình những thách thức lớn. Trong đó có việc sử dụng vật liệu nào để tạo nên bề mặt cũng như nội thất công trình được hiện đại, tiện dụng, đồng thời giảm tải cho công trình và chịu được các yếu tố tác động của thiên nhiên...”.

Thứ trưởng Nguyễn Trần Nam cũng nhấn mạnh: “Những năm qua, chúng ta đã áp dụng những thành tựu phát triển của vật liệu xây dựng mới trên thế giới để tạo nên những công trình hiện đại. Điển hình trong những áp dụng đó là cửa đi, cửa sổ nhựa lõi thép, vách kính khung nhôm và các chế phẩm tạo màu cao cấp. Và Eurowindow đã trở thành một thương hiệu quen thuộc, tin dùng của những nhà tư vấn, người làm công tác thiết kế và xây dựng trên khắp lãnh thổ Việt Nam”.

Tại hội thảo, ông Joe Sleiman – Giám đốc kinh doanh khu vực châu Á của hãng nhôm Technal giới thiệu giải pháp tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường của sản phẩm nhôm, cùng tham luận làm thế nào để đạt được những tòa nhà không tiêu tốn năng lượng với

các hệ thống xây dựng của Hydro và các giải pháp tự bảo vệ khỏi hệ mặt trời đến mặt dựng đa chức năng...

Technal thuộc tập đoàn đa quốc gia Hydro Building Systems có trụ sở chính tại Pháp, là thương hiệu hàng đầu châu Âu về các cấu kiện nhôm lắp ghép trong lĩnh vực xây dựng với gần 50 năm kinh nghiệm trong việc thi công các công trình cao tầng. Technal cung cấp chuyên nghiệp hệ thống cấu kiện và thành phẩm có khả năng đáp ứng đòi hỏi cao theo tiêu chuẩn châu Âu như: không thấm nước, cách âm, cách nhiệt. Các hệ profile của Technal có thể đáp ứng những yêu cầu đa dạng về thiết kế, tương thích với nhiều mẫu kiến trúc. Nét nổi trội ở các cấu kiện của Technal là khả năng chịu lực với các giải pháp tính toán tải trọng an toàn. Đây thực sự là giải pháp tối ưu cho hệ thống vách nhôm kính lớn thiết kế cho các tòa nhà cao tầng.

Sau nội dung trình bày của chuyên gia Technal là phần tham luận của ông Willems Brendan - Giám đốc kinh doanh hãng sơn PPG. Các chuyên gia giới thiệu về hệ thống sơn phủ PPG cho thanh nhôm định hình và mặt dựng nhôm kính, cùng những ứng dụng và giải pháp của dòng sơn này cho các cao ốc hiện đại, tòa nhà công nghiệp, các công trình kiến trúc thông thường...

PPG được sáng lập vào năm 1883, là một tập đoàn chuyên sản xuất, kinh doanh sơn, kính, hóa chất chuyên dụng và có mặt tại 60 quốc gia trên toàn thế giới. Dây chuyền sản xuất hiện đại, cùng đội ngũ chuyên gia giàu kinh nghiệm giúp PPG dẫn đầu thế giới về sơn PVDF, nhiều năm liền được tạp chí Industries Paint & Powder bình chọn là tập đoàn sơn đứng thứ 2 trên thế giới. Sơn PPG đạt các tiêu chuẩn của Hiệp hội kiến trúc Hoa Kỳ trong lĩnh vực xây dựng như: AAMA 2603, AAMA 2604, AAMA 2605. Sản phẩm sơn của PPG bền màu do trong sơn có thành phần chống tia cực tím, thích hợp với mọi điều kiện thời tiết. Điều này mang lại hiệu quả kinh tế cao, giúp tiết kiệm chi



Các đại biểu dự Hội thảo

phí nhờ độ phủ cao nhất so với các loại sơn hiện có trên thị trường.

Trình bày tham luận tại Hội thảo, Eurowindow giới thiệu việc sử dụng vách nhôm kính lớn - giải pháp tiết kiệm năng lượng cho các công trình cao tầng tại Việt Nam; Công trình sử dụng vách nhôm kính lớn Eurowindow với hiệu quả tiết kiệm năng lượng; Giải pháp tiết kiệm năng lượng trong việc lựa chọn vật liệu chính cấu thành lên vách nhôm kính lớn như nhôm, kính; Năng lực, công nghệ sản xuất hệ vách nhôm kính lớn và khả năng đáp ứng nhu cầu của Eurowindow cho các công trình cao tầng tại Việt Nam hiện nay; Một số công trình tiêu biểu đã, đang thi công sử dụng sản phẩm cửa và hệ vách nhôm kính lớn Eurowindow.

Hội thảo “Vách nhôm kính thế hệ mới – Giải pháp tiết kiệm năng lượng và thân thiện với môi trường cho các công trình cao tầng tại Việt Nam” giúp các công ty tư vấn thiết kế kiến trúc xây dựng, nhà thầu xây dựng, chủ đầu tư dự án lớn hiểu sâu hơn về dòng sản phẩm vách nhôm kính lớn, cũng như năng lực sản xuất và thi công của Eurowindow. Với trang thiết bị hiện đại, cùng đội ngũ CBCNV có trình độ chuyên môn cao được đào tạo bài bản ở trong và ngoài nước, Eurowindow có thể đáp ứng được các yêu cầu về thiết kế, cũng như thi công hệ vách nhôm kính lớn cho các công trình cao tầng tại Việt Nam hiện nay.

Minh Tuấn

Hội thảo “Quản lý thoát nước - Kinh nghiệm của Nhật Bản”

Ngày 13/12/2010 tại Hà Nội nhân dịp đoàn Bộ Đất đai, hạ tầng, giao thông vận tải và du lịch Nhật Bản (MLIT) đến thăm và làm việc tại Việt Nam, Cục Hạ tầng kỹ thuật Bộ Xây dựng đã phối hợp với Cục Phát triển thành phố và khu vực thuộc MLIT tổ chức Hội thảo “Quản lý thoát nước - Kinh nghiệm của Nhật Bản”.

Dự Hội thảo có Thứ trưởng Thường trực Bộ Xây dựng Cao Lại Quang, Thứ trưởng Bộ Đất đai, hạ tầng, giao thông vận tải và du lịch Nhật Bản Syuji Ikeguchi và các thành viên trong đoàn; đại diện các cơ quan chức năng thuộc Bộ Xây dựng, các chuyên gia, nhà quản lý, doanh nghiệp Việt Nam và Nhật Bản.

Hội thảo được tổ chức nhằm đưa ra cái nhìn tổng quan về tình hình thoát nước tại Việt Nam nói chung và các đô thị nói riêng, đồng thời giới thiệu kinh nghiệm của Nhật Bản trong lĩnh vực quản lý thoát nước.

Các báo cáo tham luận đã nêu lên những vấn đề thoát nước và xử lý nước thải đô thị Việt Nam nói chung và đặc biệt là tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh.

Hơn 10 năm qua, sự phát triển của hệ thống đô thị và quá trình đô thị hoá ở Việt Nam đã diễn ra nhanh chóng trên phạm vi cả nước. Được sự quan tâm chỉ đạo của Chính phủ, các Bộ, ngành và lãnh đạo chính quyền các đô thị cùng với sự tài trợ của các tổ chức quốc tế (ADB, WB,...) và các nước trên thế giới (Nhật Bản, Đức, Đan Mạch, Phần Lan,...) nhiều công trình hạ tầng kỹ thuật và môi trường tại các đô thị như: Hệ thống giao thông, cấp nước, thoát nước, chiếu sáng, cây xanh, thu gom và xử lý nước thải, chất thải rắn,... được cải tạo, nâng cấp hoặc xây dựng mới đã góp phần đắc lực vào sự nghiệp hiện đại hoá, công nghiệp hoá, từng bước nâng cao chất lượng đô thị, cải thiện

đời sống của người dân đô thị bước đầu tạo lập nền tảng phát triển bền vững đô thị.

Công tác xây dựng và phát triển thoát nước và xử lý nước thải đã được quan tâm hơn và đạt được những thành tựu nhất định, tuy nhiên cũng còn những vấn đề cần được khắc phục. Hiện nay phần lớn các đô thị đều sử dụng loại hệ thống thoát nước chung cho tất cả các loại nước thải và nước mưa, nhiều đô thị loại 4 và 5 chưa có hệ thống thoát nước. Hệ thống thoát nước đô thị được đầu tư qua nhiều thời kỳ khác nhau, không hoàn chỉnh, đồng bộ, nhiều tuyến cống xuống cấp nên khả năng tiêu thoát thấp. Nước thải hầu như chưa được xử lý và xả thẳng vào nguồn tiếp nhận. Số lượng đô thị có trạm xử lý nước thải tập trung còn ít. Nhiều đô thị chưa có trạm xử lý, nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại sau đó theo tuyến cống và xả trực tiếp ra môi trường. Tỷ lệ hộ đấu nối vào mạng lưới thoát nước đô thị còn rất thấp. Hiện tượng úng ngập xảy ra thường xuyên đối với thành phố lớn trong mùa mưa bão, đặc biệt là Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh đang là những thách thức rất lớn đối với Chính phủ cũng như các địa phương.

Cùng với sự phát triển của các Khu công nghiệp (KCN) kéo theo sự gia tăng nước thải từ các KCN này rất lớn. Hiện nay tỷ lệ các KCN đã đi vào hoạt động có trạm xử lý nước thải chỉ chiếm khoảng 43%. Ô nhiễm nước mặt do nước thải của các KCN hoặc từ các làng nghề tại các sông, hồ, kênh rạch trở nên trầm trọng hơn và điển hình có thể thấy ở các lưu vực sông Cầu, sông Nhuệ - Đáy và sông Đồng Nai. Sự ô nhiễm này ảnh hưởng nghiêm trọng đến nguồn cấp nước cho nhiều đô thị.

Vì vậy, Hội thảo là cơ hội rất tốt để các nhà quản lý, chuyên gia, các nhà khoa học và các

doanh nghiệp cùng nhau trao đổi, chia sẻ những khó khăn thách thức đặc biệt là kinh nghiệm quý báu từ phía Nhật Bản về công tác quản lý, thể chế chính sách, các mô hình, các công nghệ áp dụng trong lĩnh vực này, việc xã hội hoá lĩnh vực thoát nước áp dụng nhiều hình thức như BOT, BT,... đặc biệt là mô hình hợp tác Nhà nước - Tư nhân (PPP).

Phát biểu khai mạc Hội thảo, Thứ trưởng thường trực Bộ Xây dựng Cao Lại Quang đánh giá cao sự hợp tác Việt Nam – Nhật Bản trong lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật. Nhật Bản là nước đầu tư ODA lớn nhất cho Việt Nam trong lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật và Nhật Bản cũng là một trong những nước đi đầu về xử lý nước thải. Bộ Xây dựng đánh giá cao và mong muốn học hỏi kinh nghiệm Nhật Bản về chính sách, chiến lược, công nghệ và các giải pháp trong lĩnh vực này. Bộ Xây dựng cũng nhận thức được rằng việc xử lý nước thải đô thị và KCN là một phần quan trọng trong công cuộc bảo vệ môi trường và sức khoẻ con người, đồng thời nâng cao chất lượng cuộc sống của dân cư đô thị.

Lựa chọn hệ thống thoát nước, mô hình xử lý thoát nước và công nghệ xử lý nước thải là một trong những vấn đề được Hội thảo thảo luận. Lựa chọn hệ thống thoát nước (chung, riêng hay kết hợp) có ý nghĩa quan trọng và ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí của dự án, quản lý dự án. Nên chọn mô hình thoát nước tập trung hay phân tán? Việc lựa chọn công nghệ xử lý nước thải phụ thuộc vào nhiều yếu tố, như vốn đầu tư, điều kiện tự nhiên và đặc thù của mỗi đô thị, khả năng giải phóng mặt bằng,... Báo cáo của chuyên gia Nhật Bản đã nêu lên sự quan tâm và xem xét về các yếu tố nêu trên trong các dự án.

Nghị định 88/2007/NĐ-CP đã nêu ra các quy định đối với phí thoát nước, theo đó tất cả các hộ xả nước thải vào hệ thống thoát nước có nghĩa vụ trả phí thoát nước. Nghị định cũng quy định việc sử dụng phí thoát nước thu được, cách thức thu phí. Tuy nhiên trong thực tế việc triển

khai thu phí này còn gặp nhiều khó khăn do nhận thức của chính quyền đô thị, sự đồng thuận của người dân và do nhiều dự án thoát nước chưa hoàn thành, việc thoát nước đô thị còn bất cập gây mất lòng tin. Báo cáo của chuyên gia Nhật Bản nêu kinh nghiệm trong việc thu phí thoát nước đã và đang được triển khai ở Nhật Bản.

Các vấn đề bức xúc trong thoát nước như vốn đầu tư cho nâng cấp, cải tạo và xây dựng mới các công trình thoát nước tương đối lớn, ảnh hưởng của việc xây dựng công trình thoát nước ngầm đối với giao thông đô thị, tình trạng ngập úng ở các đô thị, sự tham gia của cộng đồng, đánh giá tác động môi trường,... cũng đã được nêu ra và thảo luận trong các báo cáo của chuyên gia Nhật Bản, trong đó nêu ra các khó khăn, thách thức và tình hình khắc phục các khó khăn đó ở Nhật Bản.

Biến đổi khí hậu đã và đang có những biểu hiện rõ rệt như tố, lốc bất thường, mưa lớn không theo quy luật, lũ lụt, triều cường,... ảnh hưởng đến hoạt động của hệ thống thoát nước đô thị như ở các đô thị Việt Nam hiện nay. Báo cáo tham luận của chuyên gia Nhật Bản đề cập kinh nghiệm trong ứng phó với biến đổi khí hậu và thảm hoạ thiên nhiên.

Ngoài ra các báo cáo còn giới thiệu về sự thành lập và hoạt động của Cơ quan Các công trình thoát nước Nhật Bản (Japan Sewage Works Agency - JS), việc sử dụng nguồn năng lượng từ việc cải tạo bùn và nước thải tại thành phố Kobe cũng như việc cải thiện các công trình thoát nước theo mô hình Hợp tác Nhà nước - Tư nhân đã và đang được triển khai rộng rãi ở Nhật Bản.

Hội thảo là sự đóng góp tích cực cho việc tăng cường và thúc đẩy các mối quan hệ hợp tác giữa Việt Nam và Nhật Bản trong lĩnh vực xây dựng nói chung cũng như lĩnh vực thoát nước của hai nước nói riêng.

Huỳnh Phước

Hội nghị thẩm định Đề án đề nghị nâng cấp thị xã Phú Thọ lên đô thị loại III

Ngày 28/12/2010 tại Bộ Xây dựng đã diễn ra Hội nghị thẩm định Đề án đề nghị nâng cấp thị xã Phú Thọ lên đô thị loại III. Tham dự Hội nghị có các thành viên của Hội đồng Thẩm định quốc gia nâng loại đô thị, gồm đại diện các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải, Công thương, Tài nguyên và Môi trường, Y tế; đại diện các Hội nghề nghiệp; các Cục, Vụ chức năng của Bộ Xây dựng; lãnh đạo tỉnh Phú Thọ và Thị xã Phú Thọ. Đồng chí Trịnh Đình Dũng - Ủy viên Trung ương Đảng, Thứ trưởng Bộ Xây dựng - Chủ tịch Hội đồng Thẩm định quốc gia nâng loại đô thị chủ trì Hội nghị.

Thay mặt lãnh đạo tỉnh và thị xã Phú Thọ, Phó Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ Nguyễn Đình Cúc đã báo cáo trước Hội đồng về quá trình hình thành, xây dựng và phát triển, các điều kiện tự nhiên, vị trí địa lý, kinh tế - xã hội của thị xã Phú Thọ, và những chủ trương lớn của tỉnh Phú Thọ về đầu tư xây dựng thị xã Phú Thọ trở thành một đô thị loại III vào năm 2010, và đô thị cấp vùng của tỉnh trong thời gian tới. Theo Phó Chủ tịch Nguyễn Đình Cúc, UBND tỉnh Phú Thọ và thị xã Phú Thọ đã nghiêm túc nhìn nhận và đánh giá đúng thực trạng của thị xã Phú Thọ, có xét đến những tiềm năng phát triển trong tương lai. Căn cứ theo các tiêu chí của đô thị loại III theo Nghị định số 42/2009/NĐ-CP của Chính phủ về phân loại đô thị và Thông tư số 34/2009/TT-BXD của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 42/2009/NĐ-CP, thị xã Phú Thọ đã hội đủ các điều kiện cần thiết để trở thành đô thị loại III. Việc được nâng loại lên đô thị loại III sẽ không chỉ đáp ứng nguyện vọng của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Phú Thọ nói chung và thị xã Phú Thọ nói riêng mà còn tạo cho thị xã Phú Thọ những thế và lực mới trong xu thế hội nhập.



Toàn cảnh Hội nghị

Theo báo cáo tóm tắt nội dung của Đề án đề nghị công nhận thị xã Phú Thọ là đô thị loại III do lãnh đạo thị xã trình bày trước Hội đồng, thị xã Phú Thọ có vị trí địa lý trung tâm cấp vùng của tỉnh Phú Thọ, là cửa ngõ kết nối các tỉnh Tây Bắc với thủ đô Hà Nội. Trong suốt quá trình hình thành và phát triển, thị xã Phú Thọ luôn khẳng định vị trí chiến lược, vai trò quan trọng đối với sự phát triển của tỉnh Phú Thọ và khu vực Tây Bắc. Sau nhiều năm được công nhận là đô thị loại IV, thị xã Phú Thọ đã thực sự chuyển mình, đạt được những thành tựu vượt bậc trong tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội, đáp ứng đủ điều kiện để được công nhận là đô thị loại III.

Xét về vị trí địa lý và mối liên hệ vùng, thị xã Phú Thọ có hệ thống giao thông thuận lợi về đường sắt, đường bộ, đường thủy và kể cả đường hàng không khi cần. Thị xã Phú Thọ nằm cạnh sông Hồng, có đường giao thông thủy thuận lợi. Tuyến đường sắt xuyên Á từ Vân Nam (Trung Quốc) sang Lào Cai chạy qua thị xã Phú Thọ về Hà Nội, kết nối với tuyến đường sắt Hà Nội - Hải Phòng và Hà Nội - Tp. Hồ Chí Minh. Thị xã Phú Thọ nằm trên Quốc lộ 2 từ Vân Nam về Hà Nội, đường cao tốc Hà Nội - Lào Cai, đường Hồ Chí Minh cũng qua thị xã.

Trải qua hơn một thế kỷ từ ngày thành lập (1903) với những biến đổi to lớn và sự thay đổi ranh giới hành chính, thị xã Phú Thọ trong khoảng 2/3 thế kỷ luôn đóng vai trò của một trung tâm chính trị - kinh tế - văn hóa của tỉnh Phú Thọ. Hiện nay do không còn là thủ phủ của tỉnh Phú Thọ, nhưng thị xã vẫn giữ vững được vai trò trung tâm đứng vị trí thứ hai của tỉnh Phú Thọ về các lĩnh vực kinh tế - văn hóa - xã hội.

Trong 3 năm 2007-2009, thị xã Phú Thọ có tốc độ tăng trưởng kinh tế khá cao, bình quân đạt 24,3%, cân đối thu chi ngân sách dư, tỷ lệ hộ nghèo 3,5%.

Do đặc điểm là đô thị trung du nên quy mô dân số đô thị của thị xã Phú Thọ còn thấp, tỷ lệ đô thị hóa đạt 40,4%.

Các chỉ tiêu về mật độ dân số nội thị, tỷ lệ diện tích nhà ở bình quân, nhà ở kiên cố, bán kiên cố khu vực nội thị của thị xã Phú Thọ đáp ứng tối đa theo các tiêu chí của đô thị loại III. Các chỉ tiêu khác về không gian công cộng, công trình công cộng cấp đô thị, hệ thống giao thông, hệ thống cấp thoát nước, cấp điện, chiếu sáng, cây xanh, hệ thống thông tin, thu gom xử lý nước thải, chất thải rắn của thị xã Phú Thọ đạt ở mức cao. Thị xã đã có quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị.

Hội đồng Thẩm định đã nghe các báo cáo phản biện của Cục Phát triển đô thị Bộ Xây

dựng, Vụ Chính quyền địa phương Bộ Nội Vụ và ý kiến đóng góp của tất cả các thành viên Hội đồng. Các ý kiến của phản biện và các thành viên đều ủng hộ và nhất trí với Đề án đề nghị nâng cấp thị xã Phú Thọ lên đô thị loại III của UBND tỉnh Phú Thọ, đồng thời cũng chỉ ra một số tồn tại và kiến nghị lãnh đạo tỉnh Phú Thọ cần quan tâm chỉ đạo để thị xã Phú Thọ phát triển hơn nữa, xứng đáng là một đô thị loại III vùng trung du, giàu bản sắc.

Sau khi nghe các ý kiến đóng góp, Chủ tịch Hội đồng - Thứ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng đã phát biểu kết luận: Hội đồng đánh giá cao sự chuẩn bị và chất lượng của Đề án do UBND tỉnh Phú Thọ lập, nhất trí nâng loại thị xã Phú Thọ từ đô thị loại IV lên loại III. Hội đồng cũng lưu ý lãnh đạo tỉnh một số điểm cần quan tâm chỉ đạo để khắc phục một số tiêu chí còn đạt thấp, xác định rõ các động lực phát triển của thị xã Phú Thọ, tăng cường đầu tư cho các công tác quy hoạch, xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật và xã hội, chỉnh trang đô thị, giữ gìn môi trường cảnh quan và bản sắc của thị xã Phú Thọ, đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân về nếp sống văn minh đô thị.

Minh Tuấn

Thảo luận về hệ thống quy hoạch không gian Quốc gia

Chính phủ của một nước có quyền quản lý việc sử dụng đất, không gian và lãnh thổ thuộc phạm vi quốc gia của mình. Công tác quản lý này không chỉ là nhu cầu thiết yếu cho sự phát triển của nền kinh tế quốc dân, mà còn là nhu cầu cần thiết để duy trì sự phát triển nguồn tài nguyên trong nước. Hơn nữa, trong quá trình phát triển nền kinh tế quốc dân, công tác quản lý quốc gia còn là bước đệm cho kế hoạch phát triển kinh tế, quy hoạch không gian, từ đó giúp

quốc gia có thể tận dụng, bảo vệ và tiến hành nhiều công tác quy hoạch khác.

Quy hoạch không gian hay còn gọi là quy hoạch không gian quốc gia, nội dung chủ yếu của Quy hoạch là nghiên cứu chủ quyền về đất, sông ngòi, biển... Sau khi quy hoạch quản lý thống nhất không gian, tiếp đến thiết lập các quy hoạch, lựa chọn thời điểm thích hợp để áp dụng, hướng dẫn chỉ đạo các doanh nghiệp phát triển phối hợp cùng thực hiện nhịp nhàng.

Quy hoạch không gian quốc gia còn là cơ sở quan trọng cho sự phát triển nền kinh tế quốc dân, đồng thời kết hợp cùng với kế hoạch phát triển kinh tế đưa ra quy hoạch cục bộ về phát triển sản xuất ngắn hạn và dài hạn, không những tạo điều kiện thuận lợi cho nền kinh tế quốc dân phát triển mà còn làm tăng thêm mối quan hệ mật thiết giữa các nguồn tài nguyên, dân số, kinh tế, môi trường có thể duy trì phát triển, giữa con người và tự nhiên được phát triển hài hoà. Ngoài ra, thông qua việc thiết lập hệ thống quy hoạch thống nhất không gian, còn tăng thêm mối liên kết giữa phạm vi và các cấp quy hoạch, nâng cao hiệu quả quản lý quy hoạch và duy trì phát triển.

I. Nội dung hệ thống quy hoạch không gian

Ở Trung Quốc do quyền hạn quản lý hành chính khác nhau, nên lĩnh vực quy hoạch chuyên đề và đặc biệt của các ban ngành cũng khác nhau. Trong quy hoạch các loại nguồn tài nguyên, cần thiết lập thành một thể thống nhất hoàn chỉnh và luôn hỗ trợ trợ nhau, nếu có hệ thống quy hoạch không gian hợp lý, sẽ nâng cao mức độ phát triển kinh tế quốc dân, nếu tận dụng nguồn tài nguyên hợp lý, sẽ bảo vệ được nguồn tài nguyên. Đồng thời, chính phủ cũng phải tăng cường quản lý có hiệu quả, thúc đẩy xã hội, kinh tế phát triển nhanh chóng và đạt hiệu quả cao.

1. Kết cấu hệ thống quy hoạch không gian

Thông qua việc quy hoạch hài hoà, sẽ thực hiện tốt các công tác tận dụng, bảo vệ nguồn tài nguyên và trở thành hệ thống quy hoạch hoàn thiện nhất. Thông qua các loại tài nguyên, tiến hành điều tra và lập kế hoạch tận dụng ở mức cao nhất, quy hoạch bảo vệ, đảm bảo xã hội và nền kinh tế cùng duy trì phát triển. Hệ thống quy hoạch không gian chủ yếu phân theo các loại như sau: quy hoạch tổng thể, quy hoạch chuyên đề, quy hoạch đặc biệt và quy hoạch chi tiết.

1. Kết cấu quy hoạch tổng thể

Căn cứ vào nguồn tài nguyên của Quốc gia và chia thành các loại: đất đai, sông ngòi, biển, hàng không và vũ trụ. Do đó, quy hoạch tổng thể chủ yếu bao gồm quy hoạch đất đai, nguồn tài nguyên nước, quy hoạch biển và trên không trung.

- Quy hoạch đất

Chủ yếu quy hoạch lĩnh vực đất đai trong quy hoạch lãnh thổ quốc gia. Đối với trong lòng đất và trên bề mặt cần tiến hành tận dụng, mở rộng phát triển, quy hoạch bảo vệ nguồn tài nguyên này, phương thức chủ yếu là quy hoạch tổng thể và quy hoạch chuyên đề. Đối với quy hoạch tổng thể về đất, chủ yếu căn cứ vào 3 chủng loại về đất là đất nông nghiệp, đất xây dựng và đất chưa có mục đích sử dụng, cần tiến hành quy hoạch tận dụng và có quy hoạch hợp lý đối với các hệ thống thành phố và thị trấn. Trong quy hoạch chuyên đề về đất, chủ yếu là tiến hành quy hoạch tình trạng đất, tài nguyên (các loại nguồn tài nguyên khoáng sản), đất Thành thị và Nông thôn.

- Quy hoạch nguồn tài nguyên nước

Chủ yếu quy hoạch nguồn nước trong lãnh thổ quốc gia như: sông, ngòi, hồ, tiến hành tận dụng cả nguồn nước trên bề mặt và trong lòng đất, mở rộng phát triển, quy hoạch bảo vệ nguồn tài nguyên này, mặt khác cũng phải có quy hoạch các lưu vực sông ngòi, quy hoạch nguồn nước chuyên dụng và nguồn nước trong khu vực thuộc địa.

- Quy hoạch biển

Đối với Quy hoạch biển, công tác chủ yếu là điều tra, mở rộng phát triển, quản lý và bảo vệ nguồn tài nguyên biển. Căn cứ vào điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế, xã hội mà lập ra quy hoạch tổng thể, mở rộng phát triển nguồn tài nguyên biển, quy hoạch sản xuất. Căn cứ vào từng khu vực, kết hợp với lĩnh vực công tác quản lý biển, các khu vực lân cận biển, khu vực kinh tế phụ thuộc vào biển, vùng biển quốc tế, mà tiến hành tận dụng nguồn tài nguyên, mở rộng phát triển, quy hoạch bảo vệ.

- Quy hoạch hàng không

Kết hợp với khả năng mở rộng phát triển của con người, tiến hành nghiên cứu đối với không gian dưới mặt đất, không gian vũ trụ, từ đó thực hiện công tác quy hoạch tận dụng như: quy hoạch hàng không, không gian vũ trụ...

2. Quy hoạch chuyên đề và đặc biệt

Căn cứ vào tình hình quốc gia và nhu cầu phát triển của xã hội và nền kinh tế quốc dân, kết hợp với quy hoạch phát triển kinh tế quốc gia, quy hoạch không gian, từ đó lập ra quy hoạch chuyên đề tương ứng. Quy hoạch chủ yếu nhằm vào việc phát triển sản nghiệp, phân vùng kinh tế để tiến hành nghiên cứu và lập ra bố cục chuyên đề. Lãnh thổ Quốc gia là tài sản chung của tất cả người dân sống trong quốc gia đó, nên việc tận dụng, mở rộng phát triển nguồn tài nguyên đất chính là một phần quan trọng trong công tác quy hoạch không gian. Lập quy hoạch đất cung ứng và quy hoạch mở rộng phát triển, sẽ giúp nâng cao hiệu quả nguồn tài nguyên đất, tối ưu hóa đất thâm canh, thúc đẩy duy trì phát triển.

Quy hoạch chuyên đề và đặc biệt, sẽ giúp xác định giai đoạn phát triển, mục tiêu phát triển của các quy hoạch chuyên đề, đồng thời còn hướng dẫn chỉ đạo các bước quy hoạch tiếp theo. Chức năng của 2 loại quy hoạch này chủ yếu là quy hoạch bố cục sản xuất (quy hoạch sản xuất công nghiệp), quy hoạch xây dựng công cộng (cơ sở), quy hoạch bảo vệ môi trường, quy hoạch di sản văn hóa, quy hoạch quốc phòng...

3. Quy hoạch chi tiết

Căn cứ vào quan hệ các cấp, nguyên tắc quy hoạch, nội dung quy hoạch tổng thể, quy hoạch chuyên đề và đặc biệt, mà lập ra các loại quy hoạch ngắn hạn, đảm bảo có trách nhiệm thực hiện quy hoạch và quán triệt công tác quy hoạch không gian theo đúng yêu cầu, thông thường thời hạn quy hoạch phải trong khoảng từ 5 đến 10 năm, một mặt vừa phải đảm nhận công tác phụ trách, nhưng một mặt cũng phải căn cứ vào tình hình thực hiện, mà kịp thời tiến

hành điều chỉnh quy hoạch, đảm bảo có tính nghiêm túc và linh hoạt trong quy hoạch.

2. Các cấp quy hoạch

Căn cứ vào nội dung khác nhau trong quy hoạch không gian, mà phân thành các cấp quy hoạch không gian quốc gia, khu vực, cấp tỉnh, cấp huyện. Các cấp quy hoạch căn cứ vào quan hệ quyền, tuân thủ sự chỉ đạo quy hoạch của cấp trên mà cấp dưới tiến hành thực hiện quy hoạch theo đúng nguyên tắc, ví dụ trong bảng 1.

II. Cơ sở lý thuyết khoa học về quy hoạch không gian

Theo lý thuyết quy hoạch phát triển trong nước và nước ngoài, việc thiết lập hệ thống quy hoạch không gian thành một thể thống nhất, có thể xem đây là một lý luận có căn cứ, và có cơ sở về mặt thực tiễn.

Thông qua tổng kết quy luật phát triển quy hoạch có khoa học, phân tích các loại cơ sở lý thuyết về quy hoạch, điểm giống và khác nhau trong cơ sở lý thuyết và khoa học được biểu hiện trong bảng 2.

III. Lập các bước quy hoạch không gian

Thông qua công tác tổng kết, Trung Quốc đã lập ra các quy hoạch như: quy hoạch tận dụng đất đai, quy hoạch lưu vực sông ngòi, quy hoạch khoáng sản... Từ quy hoạch phát triển sản xuất và phát triển lý luận có thể thấy, trước mắt, nguyên tắc lập và quy định cho quy hoạch trong và ngoài nước đều là 1 thể thống nhất, chỉ có một vấn đề duy nhất khác biệt đó chính là nội dung quy hoạch cụ thể khác nhau, do đó, thiết lập quy trình hệ thống quy hoạch không gian có thể hình thành một mô thức thống nhất.

IV. Môi trường pháp lý đối với quy hoạch không gian

Thiết lập kiện toàn môi trường pháp lý trong quy hoạch không gian. Thông qua các hình thức quy tắc, chế độ, điều lệ, quy phạm... Yêu cầu phạm vi, nội dung, trình tự của các quy định trong quy hoạch phải được quán triệt, đảm bảo thực hiện tốt cơ sở kỹ thuật và cơ sở pháp lý. Ví

Bảng 1. Các cấp quy hoạch

Các cấp quy hoạch	Đặc điểm	Nội dung
Cấp Quốc gia	Có cấp vĩ mô cao nhất	Quy hoạch phát triển cấp Quốc gia, Xây dựng công trình trọng điểm Quốc gia, tham gia quy hoạch phát triển trọng điểm về đất, biển, hàng không, chỉ đạo quy hoạch khu vực, kết hợp với kế hoạch phát triển kinh tế quốc dân lập ra quy hoạch tương ứng.
Cấp khu vực	Chủ yếu là các khu hành chính, thông thường là quy hoạch sản nghiệp	Chủ yếu là quy hoạch khu vực trên cấp thành phố, cấp tỉnh, tham gia quy hoạch trọng điểm về sản nghiệp, quy hoạch năng lượng, kết hợp cùng với lý thuyết phát triển khu vực, lập ra quy hoạch.
Cấp tỉnh	Đảm bảo quản lý hài hoà	Đảm bảo thực hiện đầy đủ quy hoạch cấp khu vực, cấp quốc gia, chỉ đạo thực hiện quy hoạch chi tiết, tiến hành quản lý diễn biến quy hoạch.
Cấp huyện	Thi hành, quy hoạch chi tiết	Thực hiện quy hoạch không gian, căn cứ vào tình hình thực tế tiến hành duy trì bảo vệ quy hoạch đang được thực hiện.

dự điển hình như ở CHLB Đức, căn cứ vào hệ thống quy hoạch không gian, thiết lập một hệ thống pháp lý, pháp quy hoàn thiện, sau đó phối hợp với hệ thống quy hoạch không gian cùng thực hiện; như luật quy hoạch trật tự không gian liên bang, luật quy hoạch không gian lãnh thổ châu lục, luật xây dựng liên bang, điều lệ tận dụng trong xây dựng. Trước mắt, quy hoạch tổng thể của Trung Quốc sau khi được ban hành đã có sự tương quan với pháp quy và pháp luật quy hoạch, nhưng vẫn cần ban hành hỗ trợ các quy phạm pháp luật đối với toàn bộ hệ thống quy hoạch không gian. Trong quy hoạch không gian phải đảm tính hợp lý về mặt pháp luật và nghiêm túc, trong kỹ thuật phải đảm bảo nâng cao thực hiện quy hoạch và công tác quản lý, đối với quy hoạch tổng thể, quy hoạch đặc biệt, quy hoạch chuyên môn khác nhau, cần phải thiết lập các chỉ tiêu hiện trạng, chỉ tiêu đánh giá, quản lý, phát triển khác

nhau... thúc đẩy kinh tế phát triển, tăng cường quản lý quốc gia.

V. Tác dụng và ý nghĩa của việc quy hoạch không gian

Thiết lập hệ thống quy hoạch không gian là nhu cầu thiết yếu để phát triển nền kinh tế và xã hội, là nhu cầu cần thiết để quản lý và bảo vệ lãnh thổ quốc gia và cũng là nhu cầu cần thiết để xây dựng, mở rộng phát triển và tận dụng đất đai, có tác dụng rất quan trọng trong việc phát triển tất cả các ngành nghề, thể hiện sự đổi mới trong lý luận về quy hoạch.

Trung Quốc thiết lập một hệ thống quy hoạch không gian hoàn thiện cũng có cơ sở nhất định của nó, như dựa vào các loại quy hoạch của các Bộ, các tỉnh lập ra, mà phân bổ hợp lý, hình thành nên một hệ thống quy hoạch không gian với nhiều nét đặc trưng. Thúc đẩy công tác quy hoạch Trung Quốc tiến một bước phát triển và khoa học.

Bảng 2. Cơ sở lý thuyết của quy hoạch không gian

Phân loại quy hoạch	Cơ sở của lý thuyết khoa học giống nhau hoặc tương đương		Lý thuyết chuyên nghiệp và bài học
Quy hoạch không gian	Lý thuyết theo từng vị trí, khu vực	Nông nghiệp, công nghiệp, đất đai khu trung tâm và trên thị trường ...	Kiến thức nhân loại về lý thuyết khoa học
	Lý thuyết kinh tế	Lý thuyết về quy mô kinh tế, lý thuyết về không gian	
	Lý thuyết duy trì phát triển	Lý thuyết duy trì phát triển, lý thuyết về nhân loại và trái đất cùng duy trì sự sống (kinh tế học về nhân loại, về sinh thái)...	
Quy hoạch đất	Lý thuyết đất cho thuê và giá đất Lý thuyết về vị trí và khu vực		Lý thuyết thổ nhưỡng học, lý thuyết cho thuê và giá đất...
	Lý thuyết phát triển kinh tế khu vực	Lý thuyết kết cấu không gian, lý thuyết tăng trưởng mức cao nhất và lý thuyết phân chia đất đai	Lý thuyết kinh tế khu vực, quy hoạch khu vực...
	Lý thuyết kinh tế Lý thuyết duy trì phát triển	Lý thuyết kinh tế học sinh thái, lý thuyết tận dụng đất, lý thuyết phân chia đất đai	Lý thuyết tận dụng đất đai, lý thuyết về quyền sở hữu đất
Quy hoạch nguồn tài nguyên nước	Lý thuyết kinh tế, lý thuyết duy trì phát triển	Lý thuyết nguồn tài nguyên, lý thuyết mở rộng phát triển nguồn tài nguyên	Lý thuyết thủy văn, kỹ thuật, toán học, môi trường...
Quy hoạch biển	Lý thuyết kinh tế, lý thuyết duy trì phát triển	Lý thuyết biển, lý thuyết mở rộng phát triển nguồn tài nguyên	Khoa học biển, sinh học, luật biển, khí hậu biển, lý thuyết tận dụng nguồn tài nguyên...
Quy hoạch hàng không	Lý thuyết kinh tế, lý thuyết duy trì phát triển	Lý thuyết hàng không, lý thuyết mở rộng phát triển nguồn tài nguyên	Giao thông vận tải, hàng không, công trình địa chất, điện tử, động lực học, thiên văn học...

Tô Cường – Hàn Linh

Nguồn: Tạp chí Xây dựng Đô thị và Nông thôn Trung Quốc số 2/2010

ND: Bích Ngọc

Những vấn đề về đối phó ngập úng trong các thành phố và thị trấn ở Trung Quốc

Trong những năm gần đây, cùng với sự nóng lên của khí hậu toàn cầu, tỷ lệ mưa lớn kéo theo nhiều trận bão lớn nhỏ với tần suất, cường độ mỗi năm một tăng, dường như đang phá vỡ danh giới 2 miền Nam - Bắc của Trung Quốc với một bên hạn hán kéo dài và một bên

mưa bão quá nhiều. Nhiều hệ thống thoát nước mưa trong các thành phố và thị trấn đang phải đối mặt với tình trạng khí hậu này, khiến hoạt động sản xuất bị đình trệ vì chìm trong ngập úng, nền kinh tế quốc gia và tài sản của người dân chịu tổn thất nặng nề. Do đó, cần dựa vào

đặc điểm biến đổi khí hậu trong giai đoạn này, khi thiết kế hệ thống thoát nước mưa cũng phải dựa trên cơ sở dữ liệu, tham khảo và lựa chọn mô hình thoát nước phù hợp, ngoài ra còn có thể nghiên cứu và áp dụng các mô hình thoát nước tiên tiến hơn, nhằm giảm tình trạng ngập úng gây thiệt hại tới nền kinh tế và sản xuất. Nội dung của bài viết này chủ yếu nêu ra những ý kiến và kiến nghị của tác giả về một số vấn đề mà tác giả đã gặp phải trong quá trình công tác của mình.

I. Những vấn đề còn tồn tại và hiện trạng hệ thống thoát nước mưa trong các thành phố và thị trấn

1.1. Thiết kế hệ thống thoát nước mưa

Hệ thống thoát nước mưa là bộ phận quan trọng trong xây dựng cơ sở hạ tầng của thành phố và thị trấn. Để xây dựng hệ thống này đòi hỏi phải có vốn đầu tư lớn, thời gian sử dụng lâu dài, nên khi thiết kế phải xác định được lưu lượng nước và tính toán các tham số có liên quan phù hợp, đây là một việc làm rất cần thiết và cấp bách. Căn cứ vào “Quy định thiết kế hệ thống thoát nước mưa ngoài trời”, đối với những khu vực thông thường, sẽ thiết kế hệ thống thoát nước mưa có khả năng ứng phó với những cơn bão có cường độ mạnh xuất hiện lặp lại từ 0,5 - 3 năm một lần, những khu vực quan trọng từ 3-5 năm. Ở những nước phát triển người ta lại có quy định thiết kế cho những vùng quan trọng là từ 5-15 năm, đây là một sự khác biệt rất lớn. Theo tác giả, đối với hệ thống thoát nước mưa, cần có tiêu chuẩn thoát nước hợp lý, đảm bảo độ an toàn cho thành phố và thị trấn, giảm thiệt hại do thiên tai gây ra, phương hướng để nâng cao tiêu chuẩn là cần thiết kế hệ thống thoát nước có khả năng xử lý tốt những thời điểm có những trận bão lặp lại và tiến hành sửa đổi các thông số trong quy định.

1.2. Quy hoạch thời gian sử dụng không phù hợp với thực tế

Hệ thống thoát nước trong thành phố và thị trấn là một hệ thống rất phức tạp, cần phải có

sự liên kết chặt chẽ với hệ thống kiểm soát lũ tại đô thị và hệ thống phòng chống lũ từ trên núi đổ xuống, đồng thời, căn cứ thời hạn quy hoạch tổng thể của thành phố, mà phân chia thời gian sử dụng hệ thống thoát nước ngắn và dài hạn một cách hợp lý. Bởi nếu các thông số thiết kế có độ chính xác thấp, sẽ không có tính an toàn và phù hợp với thực tế, hoặc thời gian quy hoạch quá ngắn, sau khi công trình hoàn thành, ngay lập tức có thể đưa vào vận hành, nhưng sau đó lại phải quy hoạch lại, như vậy sẽ gây lãng phí. Do đó, cần quy hoạch thời gian sử dụng, lựa chọn hệ thống thoát nước hợp lý, khi thiết kế các thông số, không những chỉ dựa vào quy phạm thiết kế, mà còn phải dựa vào kinh nghiệm của những người đi trước và kiến thức được bồi dưỡng, kết hợp với tình hình của thành phố và thị trấn, khí hậu, sự thay đổi của lượng mưa, tiến hành quy hoạch thiết kế hệ thống thoát nước trong thành phố và thị trấn với thời hạn sử dụng khoa học và chuẩn xác. Ngoài ra, còn phải tính tới mục đích sử dụng lâu dài, hợp lý, đáp ứng với nhu cầu phát triển của thành phố và thị trấn, đây cũng là một chủ đề quan trọng để lựa chọn hệ thống thoát nước.

1.3. Thiết kế dòng chảy và thông số không hợp lý

Những năm gần đây, hiện tượng mưa lớn và bão thường xuyên xuất hiện, cùng với khí hậu ngày càng nóng dần lên, theo dự đoán có thể trong những năm tới hiện tượng này sẽ xảy ra thường xuyên hơn, nên ngay từ bây giờ, cần làm tốt công tác chuẩn bị để đối phó. Từ trước đến nay, các chuyên gia luôn chấp hành tính toán theo công thức tính hệ số lưu lượng dòng chảy để thiết kế dòng chảy nước mưa đúng như trong quy định và đã tích lũy được không ít kinh nghiệm ứng dụng và có phương pháp định vị hợp lý. Nhưng do khả năng chịu tải của các hệ thống thoát nước mưa ở các đô thị và thị trấn ở Trung Quốc còn hạn chế, nên vẫn phải học hỏi kinh nghiệm xây dựng, cải tạo và tính theo công thức tính hệ số dòng chảy cho hệ thống thoát

nước mưa ở một số quốc gia phát triển khác, như phương pháp tính hệ số dòng chảy ở mức lớn nhất, phương pháp tính dung tích, tính công suất dòng chảy...

II. Biện pháp và những kiến nghị nhằm giải quyết vấn đề ngập úng trong thành phố và thị trấn

2.1. Dự tính chuẩn xác thời gian mưa bão lặp lại, tăng cường tận dụng nguồn tài nguyên nước

Do lưu lượng nước mưa trong đường ống và diện tích chứa nước mưa không tương xứng nhau, lưu lượng chứa nước mưa trong đường ống thấp, phạm vi tiếp nhận lượng nước thoát ra nhỏ, nhưng nếu tăng thông số thiết kế cho phù hợp với thực tế, thì chi phí công trình sẽ tăng lên rất nhiều. Theo thống kê của các chuyên gia chuyên ngành, ví dụ dự tính thời gian mưa bão lặp lại là 1 năm một lần, nay tăng lên là 3 năm, như vậy mức đầu tư sẽ phải tăng lên là 33%, nếu tăng lên 5 năm, mức đầu tư tăng lên 50%. Do đó, khi lựa chọn những thông số tính toán này, cần xem xét tới nguyên tắc tiết kiệm nguồn tài nguyên, năng lượng và hợp lý kinh tế, đảm bảo phòng tránh ngập úng an toàn, đồng thời cũng phải xem xét tới vấn đề tận dụng nước mưa để tạo ra nguồn tài nguyên nước. Tận dụng vùng đất trống, đất trong công viên của thành phố và thị trấn, xây dựng hồ chứa nước mưa với số lượng nhất định, như vậy có thể nâng cao khả năng chống ngập úng của hệ thống thoát nước mưa, đạt hiệu quả kinh tế cao, có thể giải quyết vấn đề lũ lụt trong đô thị. Nước mưa trong các hồ chứa có thể sử dụng để tưới cây, rửa đường, cung cấp cho những cảnh quan cần sử dụng đến nước... Như vậy, có thể tăng cường hiệu quả đầu tư ở mức tối đa, bù đắp cho chi phí đầu tư ban đầu, mang lại hiệu quả kinh tế và lợi ích cho xã hội về lâu dài.

2.2. Lựa chọn những vật liệu nền có khả năng hút thấm tốt, tăng diện tích cây xanh

Cùng với tốc độ xây dựng phát triển nhanh chóng tại các đô thị và thị trấn, tỉ lệ sử dụng mặt

nền chống thấm đang tăng lên đáng kể, khiến cho hệ số tính toán dòng chảy cũng phải tăng lên, tốc độ dòng chảy nhanh hơn, khối lượng dòng chảy tăng, như vậy, không chỉ làm cho lượng nước mưa nhiều lên, mà còn làm cho phụ tải của đường ống thoát nước mưa cũng phải chịu nhiều áp lực hơn. Kiến nghị khi làm đường đô thị và thị trấn cần sử dụng những vật liệu nền có khả năng hút thấm tốt; ngoài ra cần tăng cường diện tích phủ xanh, khi có mưa sẽ tăng khả năng hút thấm nước. Như vậy, vừa bổ sung lượng nước cho đất, vừa cải thiện môi trường thông qua khả năng làm sạch của đất, giải quyết khó khăn trong vấn đề thoát nước đô thị và thị trấn, giảm áp lực cho hệ thống phòng chống lũ vào thời kỳ mưa bão, giúp mang lại hiệu quả kinh tế và môi trường.

2.3. Cần được dự báo trước

Thị trấn có chức năng liên kết đô thị với nông thôn, đóng vai trò quan trọng trong quy hoạch phát triển kinh tế và xã hội, do đó không nên coi nhẹ hoặc đánh giá thấp tiêu chuẩn thiết kế hoặc quy hoạch hệ thống thoát nước mưa. Cùng với quá trình phát triển nhanh chóng của các đô thị, về sau những đô thị này có thể trở thành những thành phố vệ tinh, nên đối với các thị trấn, khi tiến hành quy hoạch tổng thể hệ thống thoát nước mưa cần đưa ra những dự báo có tầm nhìn xa, có thể thống nhất với quy hoạch đô thị, phù hợp với nhu cầu phát triển về lâu dài của đô thị.

Mạng lưới thoát nước mưa của thành phố và thị trấn phải đảm bảo cả chức năng kiểm soát lũ và tập hợp nước mưa, vì vậy nhất thiết phải nhanh chóng quy hoạch hệ thống thoát nước mưa cho các thành phố và thị trấn, có mô hình và tiêu chuẩn thoát nước rõ ràng, thống nhất quy hoạch, có kế hoạch thực hiện cho từng giai đoạn; ngoài ra, hệ thống thoát nước mưa phải có sự liên kết chặt chẽ với ngoại vi ngập úng, để tránh trường hợp mưa lũ từ bên ngoài khu vực đô thị đổ vào, trước đây có không ít thị trấn đã phải đối mặt với kiểu thiên tai này và đã rút

ra được kinh nghiệm. Nên các thành phố và thị trấn cần tăng cường xây dựng hệ thống kiểm soát lũ và thoát nước ở ngoại vi phù hợp với tiêu chuẩn thoát nước mưa, để đảm bảo hệ thống thoát nước an toàn.

2.4. Tăng cường bảo vệ quản lý, nhanh chóng cải tạo phân chia dòng chảy cho nước mưa và nước thải

Nguyên nhân gây ngập úng cho các thành phố và thị trấn tương đối phức tạp, có rất nhiều nguyên nhân như: mạng lưới đường ống thoát nước sử dụng đã lâu, đường kính đường ống nhỏ, không đủ sức chứa lượng nước thoát ra, không đủ độ dốc, có nhiều tạp chất lẫn trong nước hoặc chất lượng thi công công trình kém... gây ra sự lắng đọng dưới đường ống thoát nước, ảnh hưởng tới dòng chảy. Nên đối với mạng lưới thoát nước mưa cần phải quy định nạo vét và thay đổi đường ống đã bị hỏng theo định kỳ, đây là việc làm rất cần thiết. Tăng cường quản lý là công tác quan trọng mang lại hiệu quả trong quản lý mạng lưới thoát nước, nếu một hệ thống thoát nước đã được tiến hành phân chia dòng chảy nước thải và nước mưa riêng rẽ mà biện pháp quản lý không phù hợp, như vậy sẽ mất đi ý nghĩa của nó. Ví dụ như, một thành phố phát hiện việc phân chia đường ống thoát nước mưa và nước thải không đúng quy định, như vậy nghĩa là thành phố đó đang lãng phí trong xây dựng, và việc phân chia dòng chảy như vậy sẽ không mang lại hiệu quả, nước thải sẽ chảy lẫn vào đường ống thoát nước mưa, làm cho sông ngòi bị ô nhiễm. Do đó, để mạng lưới đường ống thoát nước của thành phố và thị trấn phát huy được hiệu quả trước hết phải biết chú trọng tới môi trường, chú trọng tới lợi ích của xã hội và kinh tế đất nước, nhất thiết phải lựa chọn

những biện pháp phù hợp với thực tế và cần tăng cường công tác quản lý mạng lưới đường ống thoát nước.

Đối với đường ống thoát nước chung trong các thành phố và thị trấn trước đây, cần nhanh chóng cải tạo tiến hành phân chia dòng chảy riêng rẽ cho nước thải và nước mưa. Dựa trên hệ thống thoát nước hiện có, dùng phương pháp khoa học hiện đại, căn cứ vào địa hình thực tế và dòng chảy theo quy luật tự nhiên, tiến hành phân bổ lại sao cho hợp lý, phân chia dòng chảy riêng rẽ cho nước mưa và nước thải ngay từ đầu nguồn, như vậy sẽ phù hợp với yêu cầu phát triển của xã hội và bảo vệ môi trường đô thị.

III. Kết luận

Để đối phó với những trận mưa, bão khắc nghiệt thường xuyên xảy ra, cần phải có những tiêu chuẩn thoát nước mưa hợp lý, như vậy mới có thể đảm bảo sự an toàn cho các thành phố và thị trấn, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai mưa bão gây ra. Trong giai đoạn này, đây là một dự án phức tạp và khó khăn cho các thành phố và thị trấn, thông qua việc phân tích các nguyên nhân từ trong thiết kế hệ thống thoát nước mưa, tiêu chuẩn quy hoạch, thi công và quản lý, để xuất những biện pháp và kiến nghị. Việc xây dựng hệ thống thoát nước mưa cho thành phố và thị trấn cần phải được thực hiện nhanh chóng, cải tạo đổi mới, như vậy mới có thể thích ứng được với sự biến đổi của khí hậu toàn cầu./.

Lã Linh Linh

*Nguồn: T/C xây dựng Đô thị và Nông thôn
Trung Quốc số 9/2010*

ND: Bích Ngọc

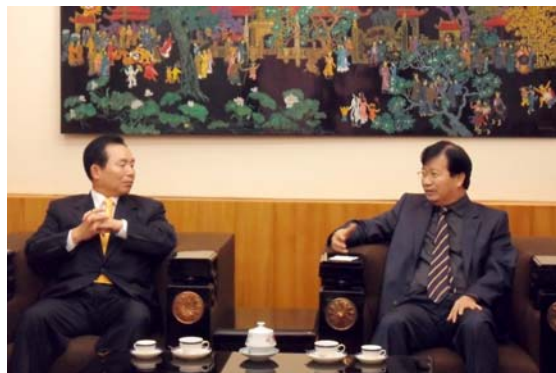
Thứ trưởng Bộ Xây dựng Trình Đình Dũng tiếp đoàn Nghị sỹ Quốc hội Hàn Quốc

Ngày 27/12/2010, Đoàn Nghị sỹ Quốc hội Hàn Quốc thuộc Ủy ban Đất đai, Giao thông và Hàng hải Hàn Quốc do Ngài Rhee In-Je dẫn đầu đã đến thăm và làm việc với Bộ Xây dựng. Đồng chí Trình Đình Dũng - Ủy viên Trung ương Đảng - Thứ trưởng Bộ Xây dựng đã thân mật tiếp đoàn.

Cùng dự buổi tiếp đoàn Nghị sỹ Quốc hội Hàn Quốc còn có Cục trưởng Cục phát triển đô thị Lưu Đức Hải, Phó vụ trưởng Vụ kiến trúc quy hoạch Lê Đình Tri, Phó Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế Phạm Khánh Toàn.

Phát biểu tại buổi tiếp, Thứ trưởng Trình Đình Dũng bày tỏ sự phấn khởi và vui mừng được đón tiếp ngài Nghị sỹ Quốc hội Hàn Quốc Rhee In-Je và các thành viên trong đoàn đã đến thăm Bộ Xây dựng, những người rất quan tâm đến lĩnh vực xây dựng hạ tầng, phát triển đô thị và nhà ở. Thứ trưởng Trình Đình Dũng nhấn mạnh, Hàn Quốc là tấm gương ấn tượng về tinh thần vượt khó đi lên trong phát triển kinh tế và đô thị. Hiện nay, quan hệ hợp tác giữa hai nước đang rất tốt đẹp, được nâng tầm lên quan hệ đối tác chiến lược. Sự phát triển của Việt Nam ngày hôm nay có sự hợp tác hiệu quả của Chính phủ Hàn Quốc kể từ khi hai nước thiết lập quan hệ ngoại giao năm 1992.

Thứ trưởng Trình Đình Dũng cũng đánh giá rất cao những đóng góp của các doanh nghiệp Hàn Quốc đang làm ăn tại Việt Nam. Tổng số vốn đăng ký của các doanh nghiệp Hàn Quốc tại Việt Nam hiện nay vào khoảng trên 23 tỷ USD, đầu tư trong nhiều lĩnh vực: công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ, phát triển hạ tầng, bất động sản... Các dự án đầu tư của doanh nghiệp Hàn Quốc tại Việt Nam còn mang lại những kinh nghiệm quý cho các doanh nghiệp Việt Nam, tạo công ăn việc làm cho người dân và đóng góp cho sự phát triển kinh tế của Việt Nam. Thứ



Thứ trưởng Trình Đình Dũng (bên phải) hội đàm với Ngài Rhee In Je - Nghị sỹ Quốc hội Hàn Quốc

trưởng Trình Đình Dũng cũng bày tỏ sự cảm ơn Chính phủ Hàn Quốc đã tạo điều kiện dành viện trợ ODA cho Việt Nam thời gian qua.

Trao đổi với Nghị sỹ Rhee In-Je, Thứ trưởng Dũng cho biết, hiện nay Việt Nam đang phải đối mặt với những thách thức của quá trình phát triển mà Hàn Quốc đã từng trải qua những thời kỳ trước đây. Vì vậy, Việt Nam mong muốn học tập các kinh nghiệm của Hàn Quốc, đặc biệt trong các lĩnh vực xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển đô thị và nhà ở, xử lý môi trường... Việt Nam hiện đang tích cực đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, tuy nhiên sự phát triển cơ sở hạ tầng vẫn còn chậm, chưa theo kịp và chưa đáp ứng nhu cầu, tạo ra những nút thắt cản trở quá trình phát triển, đặc biệt là hệ thống giao thông, cảng biển, hàng không, năng lượng... Bên cạnh đó, vấn đề biến đổi khí hậu toàn cầu, nước biển dâng mà Việt Nam được dự báo là nước chịu nhiều thiệt hại cũng đang là những thách thức lớn. Bộ Xây dựng Việt Nam mong muốn học tập kinh nghiệm của Hàn Quốc trong lĩnh vực quy hoạch đô thị, quản lý quy hoạch đô thị, phát triển hạ tầng đô thị và nhà ở, xử lý môi trường, phát triển nông thôn....

Nghị sỹ Rhee In-Je tại buổi tiếp xúc với Bộ Xây dựng cho biết, đầu những năm 1960 Hàn

Quốc bắt đầu tiến trình đô thị hóa, khi đó khoảng 80% dân số Hàn Quốc làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp và sống ở nông thôn. Cho đến hiện nay, Hàn Quốc có khoảng 90% dân số sống ở đô thị. Quá trình đô thị hóa thành công nhanh chóng như vậy trên thế giới chỉ có duy nhất Hàn Quốc. Trong 30 năm từ đầu thập niên 1960 đến thập niên 90 của thế kỷ trước, tốc độ tăng trưởng kinh tế của Hàn Quốc luôn duy trì ở mức cao, khoảng 10%/năm. Để có được kết quả đó, Chính phủ Hàn Quốc đã thực thi các chính sách nhất quán và cứng rắn, quan tâm và dồn sức cho phát triển hệ thống đường sá, cảng biển, sân bay, năng lượng... Từ khi Hàn Quốc và Việt Nam thiết lập quan hệ ngoại giao đến nay, Chính phủ Hàn Quốc luôn quan tâm và mong muốn thúc đẩy quan hệ hợp tác với Việt Nam, và rất mừng là quan hệ đó đã được nâng tầm lên đối tác chiến lược. Thay mặt Quốc hội Hàn Quốc, Ngài Rhee In-Je bày tỏ sự cảm ơn Bộ Xây dựng Việt Nam về những đóng góp quan trọng trong việc thúc đẩy sự phát triển quan hệ hợp tác giữa Việt Nam và Hàn Quốc.

Theo Ngài Rhee In-Je, Hàn Quốc và Việt Nam có nhiều điểm tương đồng, cả về văn hóa, tâm hồn con người cũng như quá trình phát triển. Hàn Quốc sẵn sàng chia sẻ với Việt Nam những kinh nghiệm của mình trong các lĩnh vực hai bên cùng quan tâm. Hiện nay đang có

nhiều doanh nghiệp Hàn Quốc đang làm ăn hiệu quả ở Việt Nam, thay mặt đoàn Nghị sỹ Hàn Quốc, Ngài Rhee In-Je mong muốn Bộ Xây dựng tạo các điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp Hàn Quốc. Ngài Rhee In-Je mong muốn Bộ Xây dựng Việt Nam và các đơn vị trực thuộc Bộ tăng cường mối quan hệ trao đổi, giao lưu với Bộ Đất đai, Giao thông và Hàng hải Hàn Quốc để tăng cường hiểu biết lẫn nhau, chia sẻ kinh nghiệm cũng như tăng cường cơ hội hợp tác giữa hai bên.

Thứ trưởng Trịnh Đình Dũng phát biểu nhất trí với các ý kiến của Ngài Rhee In-Je, tin tưởng rằng Ngài Rhee In-Je sẽ có tiếng nói quan trọng để thúc đẩy mối quan hệ hợp tác giữa hai nước Việt Nam - Hàn Quốc, đặc biệt trong lĩnh vực phát triển hạ tầng và đô thị. Thứ trưởng Trịnh Đình Dũng cũng chúc mừng sức khỏe và thành công đối với Ngài Rhee In-Je và các thành viên trong đoàn nhân dịp năm mới, chúc đoàn có những ngày thú vị tại Việt Nam.

Phát biểu đáp từ, Ngài Rhee In-Je bày tỏ sự vui mừng được sự đón tiếp thân mật của Thứ trưởng Trịnh Đình Dũng và các lãnh đạo của Bộ Xây dựng, và khẳng định các thành viên trong đoàn sẽ là những đại sứ để tuyên truyền, quảng bá hình ảnh của Việt Nam tại Hàn Quốc./

Minh Tuấn

Hội nghị tổng kết 10 năm thực hiện công tác giáo dục quốc phòng - an ninh của Bộ Xây dựng

Ngày 21/12/2010, Bộ Xây dựng đã tổ chức Hội nghị tổng kết 10 năm thực hiện công tác giáo dục quốc phòng an ninh. Tham dự Hội nghị có Thứ trưởng Bộ Xây dựng Bùi Phạm Khánh - Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự Bộ Xây dựng, các đại biểu đại diện Bộ Quốc phòng, Bộ Giáo dục và Đào tạo, lãnh đạo các Cục, Vụ, các đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp trực thuộc Bộ.

Tại Hội nghị, đồng chí Nguyễn Hồng Khải -

Phó Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ Bộ Xây dựng - Chính trị viên Ban chỉ huy quân sự Bộ Xây dựng đã trình bày báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện công tác giáo dục quốc phòng - an ninh của Bộ Xây dựng. Báo cáo đã nêu bật sự quan tâm chỉ đạo của lãnh đạo Bộ Xây dựng đối với công tác giáo dục quốc phòng - an ninh: kịp thời phổ biến quán triệt các văn bản của Đảng, Nhà nước về công tác giáo dục quốc phòng - an ninh, thường xuyên kiểm tra, chỉ đạo việc thực



Thứ trưởng Bộ Xây dựng Bùi Phạm Khánh chủ trì Hội nghị

hiện công tác giáo dục quốc phòng - an ninh đối với các đơn vị trực thuộc Bộ, rà soát lập danh sách đối tượng bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh để phối hợp với Cục Dân quân tự vệ, Bộ Tư lệnh Thủ Đô lập chương trình bồi dưỡng kiến thức quốc phòng. Trong 10 năm qua, Bộ Xây dựng đã cử đi dự các lớp bồi dưỡng kiến thức quốc phòng tổng số 6 đồng chí đối tượng 1 (54,5%), 115 đối tượng 2 (72%), 493 đối tượng 3 (25%) và 5.823 đối tượng 4 và 5, đạt 47%. 100% học sinh, sinh viên các trường đại học, cao đẳng, trung cấp nghề thuộc Bộ Xây dựng đã được học tập, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng.

Hội nghị đã nghe các tham luận của một số đơn vị như Viện Khoa học công nghệ xây dựng, Trường Cao đẳng Xây dựng số 1, Bệnh viện Xây dựng, Tập đoàn Sông Đà, Tổng Công ty IDICO, Văn phòng Bộ về việc thực hiện công tác giáo dục quốc phòng - an ninh, những thuận lợi, khó khăn và kinh nghiệm triển khai tốt nhiệm vụ giáo dục quốc phòng - an ninh tại mỗi đơn vị. Nhìn chung, trong thời gian qua, nhận thức của lãnh đạo các đơn vị thuộc Bộ, mỗi cán bộ, đảng viên về tầm quan trọng của công tác giáo dục quốc phòng - an ninh đã không ngừng được nâng cao. Nhiều đơn vị đã có những sáng kiến, biện pháp thiết thực để triển khai công tác giáo dục quốc phòng - an ninh với các hình thức phong phú như mời các báo cáo viên của Bộ Quốc phòng, Bộ Công An đến nói chuyện thời

sự về quốc phòng - an ninh, phối hợp với các Ban chỉ huy quân sự địa phương trong các buổi diễn tập phòng thủ, hội thao, hội diễn.

Phát biểu tại Hội nghị, Đại tá Phạm Hồng Kỳ - Phó Cục trưởng Cục Dân quân tự vệ Bộ Quốc phòng - Cơ quan thường trực Hội đồng quốc phòng - an ninh Trung ương đã nhất trí với báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện công tác giáo dục quốc phòng - an ninh của Bộ Xây dựng và đề nghị Bộ Xây dựng tiếp tục tăng cường tuyên truyền nâng cao nhận thức về vai trò, vị trí của công tác giáo dục quốc phòng - an ninh cho cán bộ, đảng viên; quán triệt sâu sắc Chỉ thị số 12 của Bộ Chính trị và Nghị định 116 của Chính phủ về công tác quốc phòng, an ninh; tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng về công tác quốc phòng an ninh; chỉ đạo các trường đào tạo thuộc Bộ thực hiện nghiêm túc môn học quốc phòng - an ninh theo quy định; kiện toàn về tổ chức của các ban chỉ huy quân sự tại các Tập đoàn, Tổng Công ty; thực hiện tốt chế độ giao ban, báo cáo về công tác quốc phòng - an ninh...

Phát biểu bế mạc Hội nghị, Thứ trưởng Bùi Phạm Khánh đã đánh giá cao những cố gắng của các đơn vị trực thuộc Bộ trong việc thực hiện công tác giáo dục quốc phòng - an ninh thời gian qua, được nhiều kết quả quan trọng. Tuy nhiên, để khắc phục những tồn tại, nâng cao hiệu quả công tác giáo dục quốc phòng - an ninh đáp ứng yêu cầu của thời kỳ mới, Thứ trưởng Khánh yêu cầu lãnh đạo các đơn vị thuộc Bộ cần quán triệt các văn bản chỉ đạo về công tác quốc phòng an ninh; tăng cường lãnh đạo công tác giáo dục quốc phòng - an ninh tại mỗi cơ quan đơn vị; kiện toàn tổ chức ban chỉ huy quân sự; phối hợp chặt chẽ với cơ quan quân sự địa phương nơi đóng trụ sở để có sự thống nhất cao trong các hoạt động về bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh, hội thao, hội diễn...

Minh Tuấn

Lễ ký Biên bản Ghi nhớ về Đánh giá tiến độ Chương trình Quản lý nước thải và chất thải rắn giữa Tổ chức Hợp tác kỹ thuật Đức và Bộ Xây dựng Việt Nam

Chiều ngày 21/12/2010, Lễ ký Biên bản Ghi nhớ về Đánh giá tiến độ Chương trình Quản lý nước thải và chất thải rắn giữa Tổ chức Hợp tác kỹ thuật Đức (GTZ) và Bộ Xây dựng Việt Nam đã diễn ra tại Hà Nội. Đến dự Lễ ký kết có Thứ trưởng Thường trực Bộ Xây dựng Cao Lại Quang, Cục trưởng Cục Hạ tầng kỹ thuật Bộ Xây dựng Nguyễn Hồng Tiến, Ông Hanns Bernd Kuchta Giám đốc Chương trình của GTZ, TS Guenter Riethmacher - Trưởng Đại diện GTZ tại Việt Nam, cùng đại diện các ban ngành có liên quan và các nhân viên của dự án.

Nội dung Biên bản ghi nhớ Đánh giá tiến độ thực hiện Chương trình Quản lý nước thải và chất thải rắn (gọi tắt là Chương trình) ở giai đoạn II tại một số địa phương như Bắc Ninh, Cần Thơ... và tổng kết các kết quả hợp tác song phương giữa GTZ và Bộ Xây dựng. Thông qua việc ký Biên bản ghi nhớ, hai bên đã đồng ý với kết quả đánh giá tiến độ chương trình và ý tưởng cho giai đoạn tiếp theo (giai đoạn III). Biên bản ghi nhớ này sẽ là cơ sở để chuẩn bị cho giai đoạn 3 của chương trình, dự kiến thực hiện từ năm 2011 đến năm 2014. Tại kỳ đàm phán cấp Chính phủ được tổ chức tại Bonn vào tháng trước, Bộ Hợp tác và Phát triển Kinh tế Liên bang Đức đã phê duyệt giai đoạn III của Chương trình hợp tác giữa Bộ Xây dựng Việt Nam và GTZ về Quản lý Nước thải và Chất thải rắn tại các tỉnh ly Việt Nam.

TS. Nguyễn Hồng Tiến trong bài phát biểu của mình đã gửi lời cảm ơn đến đoàn công tác của GTZ với tinh thần làm việc nghiêm túc, khẩn trương đã hoàn thành được các kết quả đánh giá giai đoạn II thực hiện Chương trình. Bước sang giai đoạn III của Chương trình là giai đoạn thúc đẩy và phát triển mô hình quản lý nước thải và chất thải rắn ở các tỉnh thành trọng điểm, đồng thời đẩy mạnh các hoạt động truyền thông và hỗ



Thứ trưởng Cao Lại Quang và TS Guenter Riethmacher - Trưởng đại diện GTZ tại Việt Nam ký biên bản ghi nhớ

trợ ban đầu cho các địa phương về kỹ thuật, phương pháp xử lý nước thải, chất thải rắn.

Phát biểu tại Lễ ký kết, Thứ trưởng Cao Lại Quang đã đánh giá cao sự nỗ lực và cố gắng hết mình của tập thể nhân viên và các cộng sự tham gia Chương trình này để có được những kết quả đánh giá rất nghiêm túc, khoa học và khách quan, giúp các bên nhìn nhận một cách chính xác về những mặt được và chưa được khi thực hiện Giai đoạn II của chương trình, qua đó rút ra những kinh nghiệm quý báu để tiếp tục thực hiện Giai đoạn III, đảm bảo tiến trình thực hiện và hiệu quả công việc. Thứ trưởng khẳng định sự quan tâm, hỗ trợ và giúp đỡ của Chính phủ CHLB Đức cũng như GTZ có ý nghĩa rất lớn đối với Chính phủ Việt Nam trong công tác quản lý chất thải rắn và nước thải tại các đô thị và nông thôn.

Đại diện phía GTZ Ông Hanns Bernd Kuchta cũng cảm ơn Chính phủ Việt Nam và Bộ Xây dựng đã tạo mọi điều kiện tốt nhất cho đoàn GTZ hoàn thành nhiệm vụ theo đúng tiến độ, khép lại giai đoạn II của chương trình với những kết quả tốt đẹp, tạo tiền đề mở ra các hoạt động tích cực hơn trong giai đoạn III của Chương trình. Ông khẳng định Chính phủ CHLB

Đức cũng như GTZ sẽ tiếp tục hợp tác với phía Việt Nam để hoàn thành Chương trình, đây cũng là một trong những dự án thể hiện mối quan hệ tốt đẹp giữa hai Chính phủ, giữa Bộ Xây dựng Việt Nam và GTZ.

Thay mặt Bộ Xây dựng, Thứ trưởng Cao Lại Quang đã bày tỏ sự cảm ơn tới Chính phủ CHLB Đức cùng Tổ chức Hợp tác kỹ thuật GTZ

của Đức về sự giúp đỡ quý báu này, và hi vọng với sự hợp tác chặt chẽ và hiệu quả giữa Bộ Xây dựng và GTZ các mục tiêu của chương trình đề ra sẽ được hoàn thành tốt với tinh thần hợp tác hữu nghị tốt đẹp giữa hai nước.

Quỳnh Anh

Tổng Công ty Lilama lắp đặt thành công bao hơi lò hơi số 1 tại nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1

Ngày 16/12/2010, bao hơi trọng lượng 320 tấn đã được đơn vị Tổng thầu Lilama kéo lên cao độ 73m và lắp đặt thành công vào vị trí nằm dưới kết cấu đỉnh lò hơi số 1 Nhà máy nhiệt điện than Vũng Áng 1 (Hà Tĩnh), khẳng định toàn bộ công tác lắp đặt kết cấu thép lò hơi đã hoàn thành và đảm bảo đủ điều kiện chịu tải.

Bao hơi lò hơi 1 có áp suất làm việc 19,65 MPa, nhiệt độ làm việc 364,4°C. Kích thước đường kính thân là 2,415m, chiều dài 32,5m, được đặt trên độ cao 66,23m và kiểu lắp ráp được treo bên dưới kết cấu đỉnh lò hơi.

Sử dụng công nghệ kích rút thủy lực và bằng sự nỗ lực cao độ, liên tục trong khoảng 7 tiếng (từ 7 giờ 30), hơn 40 thợ máy và kỹ sư giàu kinh nghiệm của Tổng công ty Lắp máy Việt Nam (Lilama) đã lập "kỷ lục" mới trong lịch sử xây dựng các nhà máy nhiệt điện tại Việt Nam trong việc kéo bao hơi lò hơi với trọng lượng nặng nhất lên vị trí cao nhất từ trước tới nay.

Thành công này của thợ máy Lilama sẽ đưa Nhiệt điện Vũng Áng trở thành Dự án nhiệt điện đầu tiên tại miền Trung nằm trong Quy hoạch Điện VI, vượt tiến độ và nhiều khả năng "về đích" phát điện sớm nhất.

Phát biểu tại công trường, Tổng Giám đốc Lilama Lê Văn Tuấn cho biết, việc kéo Bao hơi Lò hơi số 1 thành công là bước chuyển quan trọng giúp chủ đầu tư là Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam (PVN) và Lilama tiếp tục dồn sức hoàn thành các công việc tiếp theo liên quan



Vận chuyển bao hơi vào vị trí lắp đặt

đến lò hơi số 1 và số 2 như hoàn thiện hồ sơ nghiệm thu kết cấu thép lò hơi số 1; đẩy nhanh công tác chế tạo, lắp đặt các hệ thống phụ trợ của lò hơi số 1 và hoàn thiện công tác lắp đặt kết cấu thép lò hơi số 2 để tiến hành nâng Bao hơi Lò hơi số 2 vào tháng 1/2011 (vượt tiến độ 4 tháng).

Tham dự Lễ lắp đặt bao hơi lò hơi số 1 nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1 - Chủ tịch UBND tỉnh Hà Tĩnh Võ Kim Cự đã phát biểu đánh giá cao nỗ lực của chủ đầu tư PVN, Tổng thầu Lilama và các đơn vị thi công trong việc khắc phục mọi khó khăn về vật chất, địa hình, thời tiết khí hậu khắc nghiệt... để quyết liệt hoàn thành sớm 2 tháng so với kế hoạch tiến độ.

Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1 gồm 2 tổ máy với tổng công suất 1.200 MW là một trong những dự án điện trọng điểm Quốc gia nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực giai đoạn

2006-2015 (Quy hoạch Điện VI) với tổng trị giá gần 1.600 triệu USD. Nhà máy sử dụng hoàn toàn than cám 5 nội địa và có lợi thế về chi phí vận chuyển nội địa do nằm ngay cạnh Cảng nước sâu Vũng Áng.

Dự kiến khi phát điện tổ máy số 1 vào quý 3/2012, tổ máy 2 vào quý 1/2013, Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 sẽ sản xuất ra lượng điện năng khoảng 7,8 tỷ kWh/năm, góp phần quan trọng trong việc đảm bảo điện cho đất

nước, đặc biệt là trong các mùa khô hàng năm.

Khi đi vào vận hành, nhà máy sẽ bổ sung lượng một sản lượng lớn cho lưới điện Quốc gia, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng, giải quyết nhu cầu điện cấp bách của đất nước và phát triển kinh tế địa phương

Minh Tuấn

(Theo tin từ TCTy Lilama)

Lễ trao giải cuộc thi "Tìm hiểu kiến trúc cổ truyền Việt Nam"

Ngày 23/12/2010 tại Hà Nội đã diễn ra Lễ trao giải cuộc thi "Tìm hiểu kiến trúc cổ truyền Việt Nam". 01 giải Nhất, 01 giải Nhì, 02 giải Ba và 04 giải khuyến khích đã được trao trong tổng số 30 bài dự thi.

Cuộc thi "Tìm hiểu kiến trúc cổ truyền Việt Nam" do Viện Kiến trúc, Quy hoạch đô thị và nông thôn (VIAP) phát động là một phần việc của Dự án cấp Bộ: "Thu thập, sưu tầm những tinh hoa kiến trúc truyền thống Việt Nam phục vụ cho sáng tác kế thừa kiến trúc dân tộc và quản lý ngành Xây dựng".

Phát biểu tại Lễ trao giải, thay mặt Ban tổ chức cuộc thi "Tìm hiểu kiến trúc cổ truyền Việt Nam", Ths. KTS Ngô Trung Hải - Viện trưởng Viện Kiến trúc, Quy hoạch đô thị và nông thôn - Bộ Xây dựng cho biết, được sự đồng ý của lãnh đạo Bộ Xây dựng, Viện Kiến trúc Quy hoạch đô thị và nông thôn đã phát động cuộc thi "Tìm hiểu kiến trúc cổ truyền Việt Nam" nhằm thu thập các tài liệu, tư liệu về kiến trúc truyền thống của Việt Nam nằm rải rác trong dân gian, đặc biệt khuyến khích những phát hiện mới chưa từng được công bố và các tài liệu chưa được khai thác, góp phần bảo tồn di sản kiến trúc của dân tộc. Mặc dù số lượng bài dự thi không nhiều do tính chất đặc thù của cuộc thi, nhưng các bài dự thi đều đã đáp ứng được yêu cầu chủ đề của cuộc thi. Bài dự thi của cá nhân hay nhóm tác giả, dù ở các lĩnh vực



ThS.KTS Ngô Trung Hải - Viện trưởng Viện Kiến trúc Quy hoạch đô thị và nông thôn phát biểu tại Lễ trao giải

nghề nghiệp khác nhau, đều diễn tả được những giá trị nổi bật nhất, tinh túy nhất về kiến trúc truyền thống, mang đậm nét lịch sử và nhân văn của các vùng miền, các dân tộc trên cả nước.

Theo PGS. KTS Tôn Đại - Chủ tịch Hội đồng chấm giải, các bài dự thi khá phong phú về đề tài, nhiều bài thi nghiên cứu những chủ đề rất lớn như nghiên cứu về cổng làng, trang trí nội thất, họa tiết kiến trúc của một dân tộc... Các bài dự thi đã phản ánh được những tinh hoa kiến trúc của các vùng miền, các dân tộc. Hội đồng chấm giải gồm các kiến trúc sư, các họa sỹ có nhiều kinh nghiệm đã làm việc rất cẩn trọng để đảm bảo lựa chọn được những bài dự thi nổi trội nhất để trao giải thưởng.



Nhóm tác giả thuộc Phòng Nghiên cứu lịch sử kiến trúc - VIAP nhận giải Nhất cuộc thi

Giải Nhất cuộc thi với giá trị 20 triệu đồng đã được trao cho nhóm tác giả Nguyễn Thành Long - Lê Lan Phương - Tạ Vĩnh Khôi - Phòng nghiên cứu lịch sử kiến trúc - VIAP với bài thi "Hình ảnh cây cầu trong không gian làng quê Việt; Giải Nhì - 15 triệu đồng thuộc về già làng JaHiêng - Dân tộc Churu ở Đức Trọng, Lâm

Đồng với bài thi "Vẽ các dụng cụ để làm nhà sàn dân tộc Churu, nhà ở và nhà Rông". Giải Ba được trao cho bài thi "Ý nghĩa hình tượng của các chi tiết trang trí trên mái trong kiến trúc truyền thống" của nhóm tác giả Nguyễn Bích Hoàn - Danh Trung Toàn - Đại học Kiến trúc Tp. Hồ Chí Minh và bài "Kiến trúc cổng - nơi hội tụ tinh hoa văn hóa Làng" của tác giả Tạ Thị Hoàng Vân - Phòng nghiên cứu lịch sử kiến trúc - VIAP. Giải khuyến khích được trao cho các bài thi: "Nhà mái lá ở đảo Lý Sơn (Cù lao Ré)", "Tinh hoa Việt trong kiến trúc nhà thờ công giáo ở Việt Nam", "Tinh hoa Việt qua các biểu tượng trang trí", "Nghiên cứu phục dựng các công trình cổ ở làng Đường Lâm, Sơn Tây, Hà Nội bằng công nghệ 3D".

Minh Tuấn

LỄ KHÁNH THÀNH NHÀ MÁY BÊ TÔNG KHÍ CHỨNG ÁP Viglacera

Ngày 24/12/2010, Tổng Công ty Thủy tinh và gốm xây dựng (Viglacera) và Công ty Cổ phần bê tông khí Viglacera đã long trọng tổ chức Lễ khánh thành nhà máy bê tông khí Viglacera tại Khu Công nghiệp Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. Tham dự buổi Lễ có Thứ trưởng Bộ Xây dựng Trần Văn Sơn, Chủ tịch Hội VLXD Việt Nam Trần Văn Huỳnh, Chủ tịch Hội Công nghiệp bê tông Việt Nam Tống Văn Nga, Chủ tịch Hội đồng thành viên TCty Viglacera Luyện Công Minh, Tổng Giám đốc Viglacera Nguyễn Anh Tuấn, Giám đốc Sở Xây dựng tỉnh Bắc Ninh Nguyễn Bá Lạc, lãnh đạo các đơn vị tham gia dự án xây dựng nhà máy và các đơn vị thành viên của TCty Viglacera.

Theo Báo cáo của ông Nguyễn Đức Hưng - Giám đốc Công ty CP Bê tông khí Viglacera, thực hiện Quy hoạch tổng thể phát triển vật liệu xây không nung ở Việt Nam đến năm 2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết



Thứ trưởng Bộ Xây dựng Trần Văn Sơn phát biểu tại buổi Lễ

định số 121/2008/QĐ-TTg ngày 29/8/2008 và Chương trình phát triển vật liệu xây không nung đến năm 2020 được phê duyệt tại Quyết định số 567/2010/QĐ-TTg ngày 28/4/2010, Tổng công ty Viglacera, Công ty cổ phần Bê tông khí Viglacera đã đầu tư xây dựng Nhà máy bê tông khí Viglacera với dây chuyền công nghệ đồng bộ và hiện đại. Sau 06 tháng tập trung thi công,



Tổng Giám đốc T Cty Viglacera Nguyễn Anh Tuấn phát biểu tại buổi Lễ

phát huy tối đa năng lực, tháng 12/2010 công trình đã chính thức đi vào hoạt động và cho ra những mẻ sản phẩm gạch block bê tông khí chung áp đầu tiên tại miền Bắc.

Ưu điểm nổi bật của sản phẩm gạch block bê tông khí chung áp Viglacera là có tỷ trọng nhẹ, cách âm, cách nhiệt tốt, dễ thi công, thân thiện với môi trường... được ứng dụng thay thế gạch đất sét nung và vật liệu xây khác, sử dụng xây tường bao che, tường ngăn cho các công trình xây dựng. Sản phẩm đặc biệt thích hợp cho các công trình cao tầng nhất là nhà ở chung cư cao tầng, biệt thự và nhà liền kề. Hiện nay, sản phẩm gạch block bê tông khí Viglacera đã được cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn TCVN 7959:2008 và đang được sử dụng tại một số công trình cao cấp như: Tổ hợp Indochina 319 Xuân Thủy - Cầu Giấy, do Công ty Conteccons làm Nhà thầu chính; Tổ hợp 671 Hoàng Hoa Thám do Viglacera làm chủ đầu tư, Nhà thầu chính là Cty XD Thành Nam – Cotana...

Phát biểu tại buổi Lễ, Tổng giám đốc TCT Viglacera – Ông Nguyễn Anh Tuấn cho biết, Viglacera định hướng phát triển trong giai đoạn 2011-2015 và các năm tiếp theo gắn liền với sự phát triển bền vững của ngành xây dựng bằng các sản phẩm thân thiện với môi trường. Sự kiện Nhà máy bê tông khí Viglacera khánh thành và đi vào sản xuất là minh chứng sinh động cho hướng đi chính của Viglacera trong thời gian sắp tới. Ngoài dự án sản xuất gạch bê



Lễ cắt băng khánh thành nhà máy

tông khí chung áp, hiện nay TCT cũng đang lập dự án sản xuất kính low-e, gạch block thủy tinh... là những sản phẩm tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường.

Tổng giám đốc Nguyễn Anh Tuấn cũng đồng thời bày tỏ niềm hãnh diện với công trình Nhà máy gạch bê tông khí Viglacera hôm nay vừa chính thức khánh thành: “Quá trình sản xuất và đưa vào sử dụng gạch bê tông khí Viglacera đã đảm bảo được cả 3 tiêu chí: Xanh trong sản xuất, Xanh trong xây dựng và Xanh trong sử dụng”.

Tại buổi lễ, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Trần Văn Sơn chúc mừng T Cty Viglacera với sự kiện khánh thành nhà máy bê tông khí chung áp đầu tiên ở miền Bắc, biểu dương những nỗ lực của chủ đầu tư và các nhà thầu tham gia dự án đã hoàn thành công trình sau 6 tháng với chất lượng tốt nhất. Sản phẩm của nhà máy không những đáp ứng các tiêu chuẩn của vật liệu xây mà còn có nhiều tính năng nổi trội về cách nhiệt, cách âm so với gạch xây truyền thống. Sự thành công của Viglacera trong dự án này một lần nữa khẳng định vai trò đi tiên phong của Viglacera trong lĩnh vực VLXD, là hành động thiết thực trong việc thực hiện chủ trương của Chính phủ về phát triển vật liệu xây không nung.

Kết thúc buổi lễ, hòa chung không khí dịp Lễ Noel và đón chào năm mới 2011, các đại biểu đã cắt băng khánh thành Nhà máy trong niềm

vui hân hoan, kỳ vọng vào sự phát triển mạnh mẽ của ngành sản xuất vật liệu không nung ở Việt Nam cũng như sự trưởng thành vững chắc của thương hiệu Gạch bê tông khí chưng áp Viglacera.

Công trình Nhà máy bê tông khí Viglacera có công suất 200.000m³/năm, tương đương với 130 triệu viên gạch QTC/năm. Đây là một nhà máy có tính tự động hóa và cơ giới hóa cao, sử dụng ít lao động, môi trường làm việc không

nặng nhọc, độc hại. Nguyên liệu sử dụng chính là cát vàng, xi măng, vôi, thạch cao và bột nhôm. Nhà máy đi vào sản xuất sẽ cung cấp cho thị trường những sản phẩm vật liệu xây dựng tiên tiến, thân thiện với môi trường, phù hợp với mục tiêu phát triển ngành vật liệu xây dựng không nung của Chính phủ./.

Minh Tuấn

Tổng Công ty xây dựng và phát triển hạ tầng kỷ niệm 50 năm ngày truyền thống và đón nhận Huân chương Độc lập hạng Nhất

Sáng ngày 30/12/2010, Tổng Công ty xây dựng và Phát triển hạ tầng (Licogi) long trọng tổ chức Lễ Kỷ niệm 50 năm ngày truyền thống, 15 năm thành lập Tổng Công ty (TCty) và đón nhận Huân chương Độc lập hạng Nhất. Phó Thủ tướng Chính phủ Hoàng Trung Hải, Bộ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Hồng Quân, Phó Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội Phí Thái Bình, lãnh đạo các ban ngành Trung ương và các địa phương đã tới dự buổi Lễ và chung vui với cán bộ, công nhân viên chức - lao động của TCty Licogi.

Tham dự buổi Lễ còn có sự hiện diện của lãnh đạo Tập đoàn Công nghiệp xây dựng Việt Nam, các đơn vị thành viên và đối tác của TCty Licogi, các thế hệ cán bộ lãnh đạo của TCty Licogi các thời kỳ. Các đồng chí: nguyên Tổng Bí thư Đỗ Mười, Lê Khả Phiêu, nguyên Ủy viên Bộ Chính trị - nguyên Phó Thủ tướng Chính phủ Đồng Sỹ Nguyên; Phó Thủ tướng Phạm Gia Khiêm đã gửi lẵng hoa chúc mừng.

Diễn văn chào mừng 50 năm ngày truyền thống Licogi do ông Vũ Tiến Giao - Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc TCty Licogi trình bày tại buổi Lễ đã ôn lại những chặng đường lịch sử xây dựng và trưởng thành của TCty Licogi trong suốt 50 năm qua, gắn liền với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước.



Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải phát biểu tại buổi Lễ

Tiền thân của TCty Licogi là Công ty thi công cơ giới được thành lập ngày 08/8/1960. Năm 1979, Công ty thi công cơ giới được chuyển thành Liên hiệp các xí nghiệp thi công cơ giới, gồm 11 doanh nghiệp thành viên và 01 trường đào tạo công nhân kỹ thuật. Đến năm 1995, TCty Licogi được thành lập trên cơ sở sắp xếp lại Liên hiệp các xí nghiệp thi công cơ giới và Công ty xây dựng số 18 thuộc Bộ Xây dựng. Năm 2010, theo Quyết định số 52/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án thí điểm thành lập Tập đoàn Công nghiệp Xây dựng Việt Nam, TCty Licogi là một trong 6 Tổng Công ty thuộc Bộ Xây dựng tham gia thành lập Tập đoàn Công nghiệp Xây dựng Việt Nam. Hiện nay, TCty Licogi hoạt động theo mô hình Công

ty TNHH một thành viên, gồm 09 công ty con, 05 công ty liên kết, 02 công ty liên doanh với nước ngoài, 07 đơn vị hạch toán phụ thuộc, 02 trường đào tạo cán bộ, công nhân kỹ thuật; 09 ban quản lý và ban điều hành dự án hoạt động trên toàn quốc, với gần 11.000 cán bộ công nhân viên, quản lý hơn 1.000 máy móc, thiết bị hiện đại, tham gia nhiều công trình trọng điểm trên cả nước.

Là một trong những doanh nghiệp lớn của ngành Xây dựng, với thế mạnh chuyên sâu về thi công cơ giới và nền móng, trong 50 năm qua, TCty Licogi đã tham gia thi công nền móng và xây lắp hàng nghìn công trình công nghiệp, dân dụng, hạ tầng kỹ thuật trên khắp mọi miền của Tổ Quốc, tạo ra nền tảng cơ sở vật chất cho các ngành kinh tế, phục vụ đời sống dân sinh và sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Trong những năm gần đây, TCty Licogi đã không ngừng nâng cao năng lực thi công xây lắp, được coi là lĩnh vực kinh doanh chính của TCty, với việc tăng cường đầu tư trang thiết bị, công nghệ thi công hiện đại, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, đầu tư nâng cao năng lực cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật để tạo ra thế và lực mới trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng quyết liệt, chuyển dần từ vị thế nhà thầu thuần túy sang làm tổng thầu xây lắp, làm chủ đầu tư các dự án. TCty Licogi đã và đang đảm nhận tổng thầu xây lắp và tham gia tổ hợp nhà thầu xây lắp các công trình có quy mô lớn như Thủy điện Sơn La, A Vương, Bản Chát, Bắc Hà, Sông Tranh 2, Đắc Mi 4, Lai Châu, Đăkđrinh, Đăctis, nhiệt điện Mông Dương...

Với chiến lược đa dạng hóa ngành nghề sản xuất kinh doanh, TCty Licogi và các đơn vị thành viên đã mở rộng ngành nghề kinh doanh sang một số lĩnh vực mới như: đầu tư kinh doanh hạ tầng đô thị, nhà ở, khu công nghiệp, sản xuất vật liệu xây dựng, thi công cầu, đường hầm, sản xuất kết cấu thép phi tiêu chuẩn, kinh doanh bất động sản.

Trong quá trình xây dựng và phát triển, TCty Licogi từng bước khẳng định được uy tín và thương hiệu trên thị trường. Trong 5 năm gần đây, TCty Licogi luôn giữ được tốc độ tăng trưởng nhanh và bền vững, bình quân đạt 17%/năm.

Những thành tựu và đóng góp của TCty Licogi trong 50 năm qua đã được lãnh đạo Đảng, Nhà nước ghi nhận và đánh giá cao. Nhiều tập thể và cá nhân thuộc TCty Licogi đã được trao tặng nhiều phần thưởng cao quý: danh hiệu Anh hùng Lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang, Huân chương Độc lập, Huân chương Lao động, Cờ thi đua xuất sắc của Chính phủ...

Nhân dịp kỷ niệm 50 năm ngày truyền thống Licogi, TCty Licogi một lần nữa vinh dự được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Nhất. Công ty Cổ phần Xây lắp và Vật liệu xây dựng Đông Anh được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Nhất, Công ty Licogi 18 được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba. Ông Vũ Tiến Giao - Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc TCty Licogi và ông Vũ Đức Chiến - Quyền Giám đốc Ban điều hành dự án nhà máy thủy điện A Vương được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba.

Phát biểu tại Lễ kỷ niệm 50 năm ngày truyền thống Licogi, Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải đã thay mặt lãnh đạo Đảng và Nhà nước biểu dương những thành tích và đóng góp của các thế hệ cán bộ, công nhân viên - lao động của TCty Licogi trong 50 năm qua. Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải cũng bày tỏ sự tin tưởng, với bề dày truyền thống 50 năm, TCty Licogi sẽ tiếp tục phát huy tinh thần đoàn kết, năng động, sáng tạo trong sản xuất, hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao, xứng đáng với sự tin tưởng của Đảng và Nhà nước.

Minh Tuấn

Kiến trúc và sự đổi mới

Đổi mới đồng nghĩa với đưa những cái mới vào các lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ, quản lý, tổ chức đời sống, dựa trên ứng dụng các thành tựu của khoa học và kinh nghiệm tiên tiến, đảm bảo sản xuất được các sản phẩm có khả năng sáng chế, các loại hàng hoá và dịch vụ có chất lượng tương ứng hoặc cao hơn trình độ thế giới. Sự đổi mới công nghệ được nền kinh tế chấp nhận chỉ vào những giai đoạn nhất định trong sự phát triển của nó. Vào thời gian suy thoái, những cái mới dễ chấp nhận hơn đối với nền kinh tế là những cái mới góp phần đưa ra khỏi thị trường các công nghệ lạc hậu và làm xuất hiện những chuyên ngành mới có sức sống cao giúp tăng trưởng kinh tế.

Đổi mới trong xây dựng đô thị và kiến trúc gắn với sự thay đổi của không gian sống của xã hội hiện đại, với sinh thái, kinh tế, văn hoá, cuộc sống tinh thần của con người trong xã hội thông tin, kể cả với vấn đề tạo ra sự gắn gũi giữa hệ thống các ý tưởng của nghệ thuật kiến trúc hiện đại với hệ thống các quan điểm của việc thiết kế bằng máy tính. Viện Hàn lâm kiến trúc và xây dựng LB Nga (VHLXDLBN) đã đề xuất một trong những hướng ưu tiên của nghiên cứu cơ bản là hình thành môi trường sống an toàn và tiện nghi ở nước Nga.

Trong quá trình làm thay đổi môi trường sống của con người, hoạt động xây dựng đô thị (XDĐT) hình thành điều kiện cho sự phát triển của tiềm năng lao động và sáng tạo cần cho sự phát triển đổi mới của xã hội. Khoa học XDĐT thế kỷ 21 không thể thiếu các nghiên cứu cơ bản về lịch sử quá trình phân bố dân cư và đô thị hoá, sự ra đời, phát triển và các dạng biến đổi khác của đô thị, điểm dân cư nông thôn, từ thời cổ đại cho đến ngày nay. Đặc biệt cấp thiết là những nghiên cứu gắn với việc xác định khả năng tự nhận dạng của đô thị bằng các phương tiện kiến trúc bởi vì môi trường sống góp phần quan trọng làm hình thành đặc tính dân tộc, hệ

thống các giá trị và các ưu tiên của con người.

Vào những thập niên tới, các nghiên cứu về kiến trúc và XDĐT ở nông thôn sẽ vẫn giữ được tính bức xúc và cấp thiết của nó, đó là do sự cần thiết phải nâng cao chất lượng sống của người dân nông thôn, tình trạng giảm dân số tại khu vực ngoại vi đô thị và sự giảm sút sản xuất nông nghiệp do tình trạng di dân nông thôn ra đô thị. Các phương pháp sử dụng di sản lịch sử - kiến trúc ở nông thôn cần phải được quan tâm đặc biệt, như đối với di tích kiến trúc, nhà vườn có ý nghĩa lịch sử, làng nghề truyền thống, công trình kỷ niệm.

Luật XDĐT LB Nga quy định sự cần thiết phải lập quy hoạch vùng lãnh thổ trong đó các khía cạnh xã hội - lãnh thổ và kết cấu hạ tầng được nêu trong tất cả các chương trình phát triển của các lĩnh vực chuyên ngành và của các vùng lãnh thổ cần phải được kết hợp vào chương trình thống nhất của liên bang. Viện đã đạt được nhiều kết quả trong việc xây dựng phương pháp luận lập quy hoạch và đã sẵn sàng triển khai lập quy hoạch trong thời gian sớm nhất trên cơ sở lý thuyết XDĐT.

Quy hoạch xác định các phương hướng chủ yếu của chính sách phân bố dân cư quốc gia. Theo các quan điểm đó, vùng sẽ không còn là một tập hợp bị động của các đơn vị kinh tế được liên kết với nhau chỉ bằng sự phân bố trên cùng một khu vực lãnh thổ. Các đơn vị kinh tế đó sẽ biến thành một cái nền mang tính xã hội - không gian (cái “khung”) của một cơ chế tái sản xuất. Điều đó cũng có nghĩa là vùng cùng với hệ thống phân bố dân cư trên cơ sở vùng đã bắt đầu giữ vai trò là các chủ thể của sự phát triển bền vững.

Với mục tiêu thực hiện chiến lược phát triển không gian đất nước, Viện đề xuất đưa vào hệ thống pháp luật 2 văn bản mới là “Khái niệm tổ chức không gian lãnh thổ LB Nga” và “Sơ đồ tổng hợp quy hoạch lãnh thổ khu thuộc Liên

bang” nhằm bảo đảm điều tiết sự phát triển của bộ khung cấu trúc không gian của LB Nga.

Viện HLKTXDLBN đề xuất khái niệm hệ thống các nhóm điểm dân cư - một khái niệm về sự phát triển gắn kết với nhau của các điểm dân cư đô thị và nông thôn được bố trí gần nhau trên cơ sở hạ tầng giao thông thống nhất và mạng lưới phục vụ. Trong đó, các ưu thế về kinh tế và văn hoá - xã hội của các đô thị lớn được kết hợp với tiềm năng sinh thái và đất đai của các khu vực ngoại ô giữa các đô thị. Các đô thị trung bình và nhỏ có thể phát triển như các trung tâm nghỉ dưỡng, du lịch, khoa học, bảo tồn thiên nhiên, các làng nghề truyền thống với các sản phẩm nghệ thuật hoặc cây cảnh. Sinh thái hoá là một chiến lược phân bố dân cư được thực hiện tại phần lớn lãnh thổ LB Nga trong tương lai, theo đó đô thị cần phải trở thành trung tâm phát triển các điều kiện sinh thái cho các khu vực xung quanh nó.

Sự phân hoá của loại hình điểm dân cư và điều kiện phát triển của điểm dân cư, sự phát triển của bộ khung không gian cùng với sự thay đổi trong cách phân khu vực và phân vùng chức năng của lãnh thổ LB Nga nói chung và các vùng của LB Nga nói riêng có thể tạo điều kiện cho việc duy trì sự toàn vẹn của đất nước, sự tăng cường vị thế địa chính trị của đất nước và nâng cao khả năng cạnh tranh của nền kinh tế.

Các vấn đề lớn nảy sinh từ sự tập trung quá mức dân cư trong các đô thị lớn và trong các quần thể đô thị lớn đó (các vấn đề sinh thái, giao thông, xã hội) có thể được giải quyết trên cơ sở sử dụng công nghệ mới để phát triển hệ thống giao thông cao tốc và các công trình kỹ thuật phục vụ tiện nghi cho khu vực lãnh thổ, hệ thống kết cấu hạ tầng giữa các điểm dân cư.

Nhà ở cho nhân dân vẫn là một vấn đề cốt yếu của LB Nga. Thực tiễn thế giới cho thấy để có thể bảo đảm nhà ở cho nhân dân cả nước khối lượng xây dựng nhà ở hàng năm cần phải tương ứng với chỉ tiêu 0,8 - 1 m² cho một người. Ngoài xây dựng nhà tắm lớn cần phát triển nhà liền khối và liền khối - lắp ghép, kể cả nhà kiểu

truyền thống với việc sử dụng vật liệu dạng viên, kể cả gạch, gạch bê tông nhẹ và gạch bê tông khí.

Xây dựng nhà gỗ cần phải trở thành cơ sở hiện thực cho việc tăng khối lượng nhà ở đưa vào sử dụng. Kết cấu kim loại kiểu thép hình thành mỏng cũng có vai trò lớn trong xây dựng nhà thấp tầng.

Viện đã đề xuất giải pháp hiện đại hoá xây dựng nhà ở và luận cứ khoa học cho Chương trình mục tiêu Liên bang “Nhà ở”, nhằm tạo ra thế hệ “nhà xanh” mới. Cần phải đưa ra các khái niệm mới về nhà ở thoả mãn được nhu cầu của tất cả các tầng lớp dân cư, tạo ra các kiểu nhà ở mới về nguyên tắc có tính đến động học của sự phát triển của các nhóm dân cư khác nhau. Mặc dù nhà ở hiện còn thiếu nghiêm trọng tuy nhiên không thể để xảy ra tình trạng tăng số lượng nhà ở một cách cơ học như trong cuộc thực nghiệm nhà ở dưới thời xô viết.

Hệ thống thiết bị kỹ thuật của nhà đã được cải thiện đáng kể. Khái niệm “nhà thông minh” được hiểu là việc tích hợp hoạt động quản lý sưởi ấm, thông gió, cấp điện, giám sát hình ảnh trong toà nhà kể cả việc điều khiển từ xa đối với tất cả các hệ thống nêu trên vào một hệ thống điều khiển thống nhất.

Viện đặt ra nhiệm vụ làm cho nhà công cộng trở nên đa năng theo đó công trình công cộng sẽ trở thành các trung tâm có khả năng tích hợp cao hơn. Công trình thể thao được đặc trưng bởi khả năng thay đổi theo đó sàn thi đấu có thể sử dụng cho nhiều môn thi đấu khác nhau, ngoài ra còn được sử dụng cho các buổi hoà nhạc, triển lãm, tổ chức các sự kiện cộng đồng. Cấu hình của toà nhà thi đấu thể thao có thể thay đổi được thông qua sử dụng mái xếp gấp, thảm cỏ di động. Sự phát triển các kiểu công trình nhà hát được thực hiện theo hướng làm cho kiểu nhà hát nhạc và nhà hát kịch gần với nhau hơn, với việc tìm kiếm các điều kiện về không gian và môi trường cho việc thực hiện các buổi biểu diễn.

Viện đã và đang nghiên cứu các phương

pháp tính độ bền dưới các tác động không truyền thống như động đất, gió, nổ, va đập, kể cả các phương pháp bảo đảm sự bền vững lâu dài và thời gian sử dụng của kết cấu chịu lực của nhà.

Các nghiên cứu trong lĩnh vực VLXD được triển khai theo một số hướng. Sản xuất bê tông ứng dụng công nghệ nano cho phép điều khiển sự hình thành cấu tạo của đá xi măng và bê tông trên cấp nguyên tử - phân tử nhằm nhận được sản phẩm chất lượng cao với các tính chất khai thác cho trước.

Viện đã xây dựng được cơ sở khoa học cho việc sản xuất loại bê tông nhẹ mới, hiệu quả cao, sạch sinh thái thông qua sử dụng các loại sản phẩm thu được từ xử lý chất thải của các ngành công nghiệp như sản xuất kim loại đen và kim loại màu, sản xuất năng lượng từ nhiên liệu, công nghiệp hoá chất và chế biến gỗ kể cả từ chất thải chế biến sản phẩm nông nghiệp, qua đó cho phép giải quyết ở mức độ đáng kể vấn đề bảo đảm nguyên vật liệu cho xây dựng bằng bê tông và bê tông cốt thép.

Các hệ thống không gian, giàn dây cáp và tấm chất dẻo được sử dụng nhằm giảm trọng lượng kết cấu của sàn trần khẩu độ lớn. Kết cấu chế tạo từ vật liệu sinh thái cũng ngày càng được sử dụng rộng rãi hơn. Việc sử dụng loại keo dán mới với thành phần gồm có các chất karbomit và melamin kết hợp kỹ thuật phủ keo lên bề mặt cần dán theo từng chất riêng biệt giúp giảm được 1,5 đến 2 lần thời gian chế tạo kết cấu gỗ. Một trong những thành tựu quan trọng mà Viện đã đạt được là việc sử dụng thủy tinh để sản xuất kết cấu chịu lực.

So với các quốc gia có nền kinh tế tiên tiến, LB Nga còn tình trạng sử dụng năng lượng thiếu tiết kiệm. Viện đã tích cực thực hiện các nghiên cứu theo các hướng sau: Soạn thảo Chương trình quốc gia và vùng về sử dụng năng lượng hiệu quả; biên soạn hệ thống các định mức sử dụng năng lượng và các văn bản hướng dẫn phương pháp giám sát năng lượng; tham gia thẩm định nhà nước về năng lượng; phát triển

các nguồn năng lượng tái sinh phi truyền thống. Năng lượng địa nhiệt là nguồn năng lượng thu từ nhiệt thiên nhiên của quả đất. Trên thế giới hiện nay việc sản xuất điện từ năng lượng gió đang phát triển mạnh mẽ.

Một trong những hướng phát triển các nguồn năng lượng mới có hiệu quả là sản xuất điện bằng các nhà máy thủy điện nhỏ và trung bình xây dựng trên các sông nhỏ. Ngoài ra còn một phương pháp khác sản xuất năng lượng mới đã và đang được triển khai là sản xuất nhiệt bằng máy bơm nhiệt theo đó máy bơm thu nhiệt từ môi trường xung quanh và chuyển vào bên trong nhà sử dụng cho việc sưởi ấm. Thiết bị thu năng lượng mặt trời được sử dụng cho việc làm nóng và làm mát nước, không khí, sản xuất nước ngọt, điện năng. Một trong các phương pháp biến đổi năng lượng mặt trời thành điện năng là sử dụng các tấm pin mặt trời.

Chất thải sản xuất nông nghiệp là một nguồn sinh khối ổn định cung cấp cho việc sản xuất năng lượng. Phương pháp hợp lý nhất sử dụng nguồn sinh khối này là tiến hành khí hoá sinh khối sau đó sử dụng khí nhận được để chạy tuốc bin khí. Trong những năm qua, Viện là người chứng kiến sự hồi sinh nhiên liệu gỗ dưới dạng các hạt nhiên liệu hình trụ. Viện đã lập mô hình toán học của nhà dưới dạng một hệ thống năng lượng thống nhất có tính đến các đặc điểm của các hệ thống hiện đại cung cấp nhiệt, khả năng thu năng lượng từ khí hậu bên ngoài nhà và của các bộ phận cấu thành sinh thái của nhà như là một môi trường sống của con người, kể cả việc sử dụng các loại năng lượng phi truyền thống.

Tình hình thiếu nước sạch đang gia tăng trở thành nguyên nhân gây ra các thảm họa nhân đạo. Theo số liệu của Tổ chức y tế thế giới (WHO), việc sử dụng nước từ quá trình xử lý tinh nước thải có thể giảm đến 1/3 lượng nước thiếu hụt của thế giới.

LB Nga hiện có trên 800.000 km đường ống ngầm đang sử dụng cho mục đích công cộng. Hiện nay một phương pháp đã được nghiên cứu

với sự tham gia của Viện và đang được áp dụng rộng rãi để khôi phục khả năng làm việc của đường ống bằng phương pháp không đào rãnh, kể cả làm sạch chất cặn bám trên thành ống và phủ lớp bảo vệ cho ống bằng vật liệu xi măng - cát hoặc chất dẻo, giúp giảm tổn thất áp lực trong mạng lưới, tăng thời gian phục vụ của ống và phòng ngừa nhiễm bẩn nước do ăn mòn.

Viện đã nghiên cứu sự tác động phá hủy của vi khuẩn và thu được các thông số về sự kháng sinh học của các loại vật liệu tổng hợp chế tạo từ xi măng, thạch cao, lưu huỳnh, nhựa Epoxy, polyephir và các vật liệu tổng hợp khác trong điều kiện môi trường tiêu chuẩn của nấm vi sinh. Viện đã hoàn thành trên 100 công thức phối liệu mới cho sản xuất VLXD bền vững trước các tác động sinh học, đã tiến hành khảo sát trên 600 công trình dân dụng, nhà ở và sản xuất khác nhau sau đó các công trình này đã được thực hiện các biện pháp bảo vệ chống sự phá hoại do vi sinh vật.

Cuối năm 2009, Đuma quốc gia đã thông qua văn bản kỹ thuật "An toàn của nhà và công trình". Văn bản nêu lên sự nhất thiết phải thực hiện các yêu cầu nêu trong các tiêu chuẩn và quy phạm nhằm bảo đảm sự an toàn của nhà và công trình. Những văn bản đó được đưa vào danh mục các văn bản Chính phủ sẽ ban hành. Viện và Hội Kiến trúc sư Nga cho rằng hệ thống các tiêu chuẩn, định mức đã quá lạc hậu và việc đổi mới hệ thống này đòi hỏi không ít sự nỗ lực của cộng đồng các nhà khoa học và kỹ sư ngành xây dựng trong sự phối hợp tương hỗ với Bộ Các vùng LB Nga.

Nền kinh tế thị trường vận hành dựa trên lực lượng các doanh nghiệp. Trên thế giới, lực lượng doanh nhân được đào tạo tại các trường đại học trong đó ngoài các chức năng vốn có (đào tạo và nghiên cứu khoa học) các trường này còn đào tạo lực lượng các nhà kinh doanh

sản phẩm đổi mới. Trường đại học xây dựng Matxcova đã xây dựng được hệ thống đào tạo cán bộ trong đó đã thành lập các trung tâm nghiên cứu khoa học và trung tâm đào tạo thực hiện nhiệm vụ triển khai các kết quả nghiên cứu vào sản xuất và chuyển giao cho các học viện. Sự hình thành các bộ môn phối hợp trong cơ cấu của các doanh nghiệp giúp mở rộng đáng kể khả năng sử dụng cơ sở vật chất - kỹ thuật của doanh nghiệp cho công tác nghiên cứu khoa học. Với sự hỗ trợ của Viện, Trường đại học xây dựng Matxcova đã trở thành một trong 15 đơn vị chiến thắng trong cuộc thi chọn trường đại học được công nhận là trường đại học nghiên cứu khoa học quốc gia.

Việc sử dụng có hiệu quả toà nhà mới, các thành tựu công nghệ và kỹ thuật mới vì mục tiêu hoàn thiện chương trình đào tạo cán bộ lĩnh vực kiến trúc - xây dựng hiện đang có ý nghĩa quan trọng đối với Viện. Viện đang thực hiện một nhiệm vụ quan trọng là hình thành văn hoá kiến trúc - xây dựng mới.

Việc thành lập một tổ chức hoạt động độc lập của các nhà xây dựng và kiến trúc làm tăng thêm sự cần thiết phải nâng cao trình độ cho kiến trúc sư và kỹ sư. Nhiệm vụ của Viện là sử dụng tổ chức trên như một kênh khác đưa các sản phẩm mới vào lĩnh vực xây dựng.

Nền kinh tế đổi mới là một hệ thống tư duy mới của những con người được đào tạo đạt trình độ cao, có vị trí dân sự tích cực và tinh thần trách nhiệm cao. Điều đó sẽ chỉ có thể đạt được thông qua sự phối hợp của "3 Nhà": Nhà nước - Nhà doanh nghiệp - Nhà khoa học".

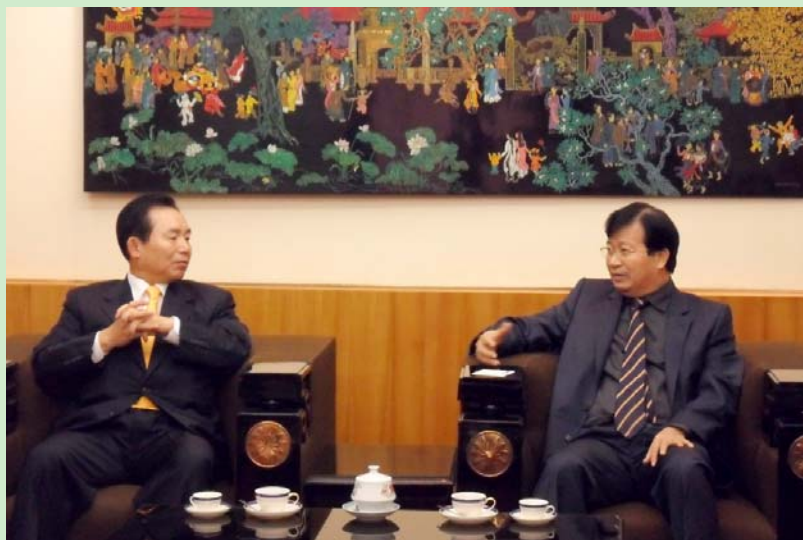
Vladimir Ilyich Travush

Nguồn: Tạp chí Kiến trúc và xây dựng Matxcova, số 3/2010

Dịch và biên tập: Huỳnh Phước

**THỨ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG TRỊNH ĐÌNH DŨNG TIẾP
ĐOÀN ĐẠI BIỂU NGHỊ SỸ QUỐC HỘI HÀN QUỐC DO NGHỊ SỸ
RHEE IN JE DẪN ĐẦU ĐẾN THĂM BỘ XÂY DỰNG**

Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2010



Thứ trưởng Trịnh Đình Dũng hội đàm với Nghị sỹ Quốc hội Hàn Quốc Rhee In Je



Thứ trưởng Trịnh Đình Dũng và các cán bộ của Bộ Xây dựng chụp ảnh
lưu niệm với các Nghị sỹ Quốc hội Hàn Quốc